

VÔ - DANH

Các văn cổ về

HÀ-THÀNH THẮT-THỦ VÀ HOÀNG DIỆU

PHỤ-LỤC : *Di-biểu, Dụ, Tỏi-hậu-thư và
tờ-trình của tướng Pháp, Lời H. Rivière
phê bình Hoàng Diệu và Tôn-thất-Bá*

DẪN và CHÚ-THÍCH
CỦA

HOÀNG XUÂN-HÂN

L O A I V Ắ N C Ồ

SÔNG NHỊ

HÀ - NỘI

CÁC VĂN CÒ VÈ
HIÀ = THÀNH THẤT - THỦ
VÀ HOÀNG DIỆU

Nền bia

Là bia làng Lê Lợi, Nguyễn Trãi soạn năm 1433.

Loại Văn Cò

Quốc-Văn của ta ngày xưa có phần thất-lạc, có phần còn lưu-truyền được đến nay. Phần còn lưu-truyền hay bị người sau làm sai-suyền, tác-giá và gốc-tích có khi không tương, những chỗ khó hay nghi-ngò lại không được giải-thích.

Mục-dịch tung-san này là tìm cách
hồ-cưu những khuyết-diểm ấy

NHÀ XUẤT BẢN SÔNG NHƯ

Nhà xuất-ban Sông-Như gửi bản-quyền 1950

VÔ - DANH

Các văn cổ về

HÀ-THÀNH THẤT-THỦ

VÀ HOÀNG DIỆU

PHỤ LỤC: Di biểu, Dn, Tòt-hâu-thu và
lờ-trình của tướng Pháp, Lờ H. Rivière
phê bình Hoàng Diệu và Tôn-thất Bá

DẪN và CHÚ-THÍCH
CỦA

HOÀNG XUÂN-HÂN

L O A I V Ặ N C Ồ

SÔNG NHỊ

HA - NỘI

MỤC - LỤC

LỜI DÀN

	Trang
Nội-dung.	9
Sử-lược	10
Giá-trị những bài văn	17
Kết-luận.	19
Phụ-biên.	20

I. — Hà thành thất-thủ ca

I. Hà-nội mất năm 1873.	23
II. — Cờ đen phản công,	24
III. — Hòa-trớc 1874	24
IV. — Hoàng Diệu ra trấn Hà-nội	26
V. — Hà-nội thất-thủ năm 1882	27
VI. — Giảng hòa	28
VII. — Khen, chê	28
VIII. — Cảnh chạy loạn.	29
IX. — Mong quan-quân	30
X. — Mong quân Thanh.	31
XI. — Cảnh Hà-nội bị chiếm	31
XII. — Nóng đọi phản-công	32

II. — Chính-khí ca

I. — Hoàng Diệu phòng bị	25
II. — Pháp tấn-công hạ thành	36
III. — Hoàng Diệu tự-ả	37

	Trang
IV. — Phê-bình chung.	37
V. — Chê Đề-dốc Lê Văn-Trình	38
VI. — Chê Tuần-phủ Hoàng Hữu-Xứng	39
VII. — Chê Án-sát Tôn-thất Bá.	39
VIII. — Chê Bổ-chánh Phan Văn-Tuyên	40
IX. — Kết-luận	40
Dị-diểm trong các bản	42

III. — Điều Hoàng Diệu

1. — Bài đầu	45
2. — Bài thứ hai	46
3. — Bài thứ ba.	47

Những dị-diểm trong các bản. 49

4. — Võ Trọng-Bình điều	49
5. — Sĩ-tử Hà-thành điều	50
6. — Ngô đại-nhan điều	51
7. — Trần Đình-túc điều.	52
8. — Hoàng Hữu-Xứng điều.	52

IV. — Hà-thành thất-thủ-án

1. — Tổng vịnh	53
2. — Hoàng Diệu	53
3, 4. — Quan Tuần	54
5, 6. — Quan Bó	55
7, 8. — Quan Án	55
7. — Quan Đề	56

V. — Phụ lục

1. — Di-biểu của Hoàng Diệu	57
2. — Dự-kê công tội	60

	Trang
3. — Tối-hậu-thư Henri Rivière gửi cho Hoàng Diệu	63
4. — Tờ trình của Henri Rivière về việc đánh Hà-nội	66
5. Hoàng Hữu-Xứng và Tôn-thất Bá.	69

CẢI-CHÍNH

Viết tắt: tr trước, d dòng, t d từ dưới, đổi ra.

Tr 13, d 16, *nha* nhà.

Tr 17, d 3 (t d), *gi, ở* giờ.

Tr 19, d 10 (t d), *thỏa mã* : thỏa-mạ.

Tr 30, d cuối, *co* : cồ — *phai* phải.

Tr 31, d 3, *đoan* : đoàn.

Tr 35, d cuối, *bay* : bầy — d 1 (t d), *trai* trái — d 4 (t d),

Bac : Bắc — d 6 (t d), *ơ* : ở — d 8 (t d), *đều* : đều.

Tr 36, d 7, *ùm ằm* : dùng-đùng.

Tr 37, d 5 (t d), *trong vườn bách-thảo* : làm nền cho điện

Kinh-thiên mà xưa cũng gọi là Nùng-son-điện.

Tr 38, d 5, *bình* : bình.

Tr 39, d 6, *rẻ* lẽ — d 11 và 12 (t d), *Tôn Thất-Bá*

Tôn-thất Bá.

Tr 40, d 6, *lần* lần — d 3 (t d), *tổng* : tổng.

LỜI DẪN

NỘI-DUNG

Trong tập sách này, chúng tôi góp những bài văn kể chuyện hoặc vịnh thời-cuộc và nhân-vật ở Hà-nội trong hai vụ người Pháp đánh Hà-nội vào năm 1873 và 1882:

Bài đầu là HÀ-THÀNH THẤT-THỦ-CA, kể chuyện Hà-nội thất-thủ hai lần, và tình-cảnh nhân-dân ở Bắc sau cuộc thứ hai. Thể văn là song-thất-lục-bát

Bài thứ hai là HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CHÍ CÔNG QUÁ CA, kể chuyện thất-thủ năm 1882, đề ca-ngợi tiết-tháo của quan tổng-đốc Hoàng Diệu, và chế-diễn các quan khác. Thường gọi bài này là HÀ-THÀNH CHÍNH-KHÍ-CA, hay gọi tắt là CHÍNH-KHÍ-CA. Thể văn là lục-bát.

Đoạn thứ ba là ĐIỀU HOÀNG DIỆU, gồm ba bài tự-sự và khen quan tổng-đốc, làm bằng lối văn ca-khúc, bốn bài thơ chữ Hán và hai đôi đối-liễn của quan tuần-phủ Hà-nội Hoàng Hữu-Xứng và của quan khâm sai tổng-đốc Hà-nội Trần Đình-Túc.

Chúng tôi có dịch các bài thơ và câu đối ấy.

Đoạn thứ tư là HÀ-THÀNH THẤT-THỦ-ÁN gồm chín bài thơ thất-ngôn-bát-cú, luận công tội của các quan tỉnh Hà-nội. Đề-mục cũng chúng tôi đặt.

Cuối cùng sẽ phụ lục những bài dịch Hán-văn hay Pháp-văn có liên-can đến việc Hà-nội năm

Nhâm-ngọ. Những bài này đều là những chứng trực-tiếp cho cuộc xử án các nhân-vật đương-thời. Giá-trị các tài-liệu ấy về lịch-sử rất quý.

SỬ-LƯỢC

Muốn hiểu rõ những chuyện kể trong các bài trên, chúng tôi nhắc qua đoạn lịch-sử này.

Hòa-ước 1862 ép vua Tự-đức nhường cho Pháp ba tỉnh miền đông Nam-kỳ mà Pháp đã chiếm năm 1861. Vua Tự-đức muốn chuộc đất lại. Không những Pháp không thuận, mà còn chiếm thêm ba tỉnh miền tây Nam kỳ, năm 1867.

« Một bên thì nền cai-trị lập ra bởi đô đốc La Grandière để dự-bị mở-mang thuộc-địa một cách vô-giới-hạn. Một bên thì phái quan-phiệt mạnh mẽ An-nam muốn đi ngược dòng lịch-sử. Thế nào cũng sẽ xảy ra những sự xích-mịch và xang-đốt liên-liên. » Đó là lời của viên quyền toàn-quyền Vial, trong sách *Nos premières années au Tonkin* in năm 1889

Cái cơ để xâm-chiếm Bắc-kỳ là vụ Jean Dupuis (*Đồ-phổ-nghĩa*) tự-tiện chỗ khi-giờ cho Vân-nam trên sông Hồng hà. Pháp thấy đó rất có lợi cho sự mình cạnh-tranh thị-trường Trung-hoa, đối với các cường-quốc Âu-Mỹ khác, cho nên triệt-để ủng hộ Dupuis. Đô-đốc Dupré phái Francis Garnier (*Ngạc-nhe An-nghiệp*) đem quân ra Hà nội. Vua Tự-đức cũng sai Nguyễn Tri-Phương từ vùng Sơn-tây về Hà-nội lo việc phòng-thủ. Garnier đem quân đóng ở Tràng-thị (phía nam phố Tràng-thị ngày nay), thị-uy và ép Tri-Phương. Tri-Phương không

chịu điều-định trực tiếp, mà chỉ qua triều-đình Huế. Thấy binh-lực ta kém, và nhờ các thám-tử, biết nhân-tâm trong xứ li-tán, Garnier định chiếm thành Hà-nội. Ngày 19 tháng 11 năm 1873 (mồng một tháng mười năm Quý-dậu), Garnier gửi tới-hậu-thư cho quan Khâm-sai, yêu-cầu : « Giải-giáp quân-linh giữ thành, và sức cho các quan tỉnh phải tuân lệnh của Garnier. » (theo Vial)

Chiến-tranh bùng nổ lập-tức ở Hà-nội. Với non một trăm quân, và hai chiến-thuyền yểm-hộ, Garnier hạ thành Nguyễn Tri Phương thân-hành cùng con, là phò-mã Nguyễn Lâm mới tới thăm cha, chống giữ cửa Đông nam. « Quân An-nam chống-cự. Tự trên thành ném gỗ, đá, hỏa-hồ xuống. Quan Khâm-sai điều-khiển rất cương-quyết ; nhưng bị mảnh trái phá bắn vào đùi Quan thấy vậy liền tan. Ông lên ngựa toan chạy trốn. Nhưng có tên thông-ngôn tố-giác, nên bị bắt và bị giam cùng các quan lớn khác. Khi thấy không thoát khỏi, ông kêu than thảm-thiết, và không chịu để buộc thuốc, và cấm kẻ hầu không được đem đồ ăn tới. » (theo Gautier)

Con ông là phò-mã Lâm bị tử-trận; hai con Phan Thanh-Giản là Phan Tôn và Phan Liêm cũng bị bắt.

Sau đó, Sài-gòn phái Philastre (*Hoặc đạo-sinh*) qua Huế, rồi cùng Nguyễn Văn-Tường ra Hà-nội để điều-định. Lúc tới nơi, ngày 3 tháng giêng năm 1874, thì Tri-Phương đã mất (mồng 1 tháng 11 năm Quý-sử, tức là 20 tháng 12 năm 1873), sau khi nhịn đói một tháng, và Garnier đã bị quân Cờ-đen giết một ngày sau, trong khi chống với quân Lưu Vĩnh-

Phúc, quân Hoàng Kế-Viem và Tôn-thất Thuyết đóng ở vùng Sơn-tây, Hưng-hóa.

Sự thương-thuyết đem tới hòa-ước 1874, ký ở Sài-gòn, giao trả các tỉnh Bắc cho ta, và ép ta phải nhận sự chiếm tất cả Nam-kỳ, và nhượng cho Pháp những khoảng đất dọc bờ sông Hà-nội, quyền thu thuế thương-chánh và quyền tự-do đi lại buôn-bán ở Bắc, và ở Trung.

« Nếu thi-hành đúng hòa-ước 1874, thì Pháp có quyền chi-phối chính-sách ngoại-giao và nội-trị của An-nam. Nếu An-nam không theo, thì Pháp có thể chọn thi-giờ mà can-thiệp. Mà có thì chẳng thiếu gì. » (theo Vial)

Vua Tự-đức biết nguy-cơ đã đến, cần phải giao-thiệp với các nước ngoài. Cho nên, tuy rằng hợp-ước 1874 đã « công-nhận độc-lập cho nước An-nam, nhưng phải nhượng Nam-kỳ và cam-đoan y theo chính-sách ngoại-giao của Pháp », nhưng vua Tự-đức cứ phái các sứ-bộ sang Tàu (năm 1876, 1880), sang Hương-cảng, và phái thanh-niên đi học trường Anh (1881).

Thấy vậy, Pháp nhất-định can-thiệp. Từ Sài-gòn, thiếu-tá Henri Rivière được phái ra Bắc, đem nhiều quân ra đóng thêm ở Hải-phòng và Hà-nội (bấy giờ đồn Pháp ở vùng nhượng-địa Đồn-thủy, mà ta gọi là Trường-tây), lấy cớ là vì quân Tàu ngăn-cản sự thông-thương. Bên ta, thì Trần Đình-Túc, tòng-đốc Hà-nội, đã được về hưu. Một vị quan có tiếng rất cương-trực ra thay (1880). Ấy là Hoàng Diệu. Thấy quân Pháp tới nhiều, ông sai canh-phòng cẩn-mật, bắt những người ngoại-quốc muốn

vào trong thành phải xin phép trước, xây các công-tác phòng-thủ trong thành. Đối với những người ý-thế Pháp, ông rất ghét; có lúc ông bắt một tên thông-ngôn hôn-xược và đánh cho một trận. Nhưng ông được lệnh đừng đụng-chạm đến người Pháp (theo Bouinai).

« Ngày 25 tháng 4 năm 1882, là mồng tám tháng ba năm Nhâm-ngọ, sợ bị đánh úp, thiếu-tá Rivière định tấn-công thành » (theo Vial).

Sáng ngày ấy, thiếu-tá sai một tên thông-ngôn, tên là Phong, đưa tối-hậu-thư cho Hoàng Diệu, yêu-cầu: « Phá các tạo-tác phòng-thủ trong thành, giải-giáp binh-lính, và đứng 8 giờ, thân-hành tới dinh Pháp ở Trường-tây. Quân Pháp sẽ vào thành, làm cho thành khò có thể làm hại. Xong sẽ giao trả thành cho quan An-nam, với nha cửa, kho-tàng. » (xem tối-hậu-thư ở đoạn V).

Hoàng Diệu sai viên án-sát Tôn-thất Bá đi điều-đình. Không đợi trả lời, Rivière tấn-công lúc 8 giờ 15 phút. Lần này, quân Pháp đông hơn 450 người, và có một ít ngụy-binh. Lại có bốn tàu chiến yểm-hộ. Hoàng Diệu chống-cự ở Cửa-bắc. Tôn-thất Bá chạy trốn vào làng Mộc (Nhân-mục), ở phía đông-nam Hà-nội.

Một chốc sau, kho thuốc súng trong thành nổ. Pháp nói đại-bác mình bắn trúng. Ta nói Pháp thuê Việt-gian đốt. Quân ta nao-núng. Các viên bố-chính Phan Văn-Tuyền, đề-đốc Lê Văn-Trình và các lĩnh-binh đều trụt thành chạy trốn. Viên tuần-phủ Hoàng Hữu-Xứng (1) trốn trong Hành-cung và nhìn dõi thành ốm. Một mình Hoàng Diệu vào Hành-cung,

lạy, khóc nói: « Sức của tôi đã hết. » Xong ông tới cạnh Vũ-miếu, lấy khăn treo mình vào một cây ổi lớn, mà chết. Người hầu chôn qua-loa. Sau, các thân-hào đưa táng ông sau nhà Học-đường, tức là Học-chính-đường ở nơi ga hàng-hóa, cạnh đường Sinh-tử và đường xe-lửa ngày nay. Vũ-miếu ở chỗ góc tây-nam đường Cột-cờ và đường đôi P. Pasquier mà chính-phủ ta năm 1945, đã đặt tên là đường Hoàng-Diệu.

Về việc Rivière đánh Hà-nội và Hoàng-Diệu từ-từ, ta còn có một bài tường-thuật của tên Phong, thông-ngôn đi theo thiếu-tá, đã kể lại (2). Lời y kể như sau (theo Vial)

“ Cuối cùng, ngày 25 tháng tư, quan Nguyên-soái định đánh lấy thành Hà-nội, để phá các tao-tác nguy-hiểm cho quân ta (Pháp), mà quan tổng-đốc Hoàng-Diệu đã sai xây.

“ Rạng ngày ấy, quan Nguyên-soái sai tôi mang cho quan Tổng-đốc bức tối-hậu-thư, mà tôi đã dịch ra chữ nho ban tối. Tôi tới cửa thành lúc mới sáu giờ rưỡi. Cửa thành đóng chặt. Linh An-nam đứng chực trên thành. Chúng phất cờ. Chúng đông lắm.

“ Muốn đạt tối-hậu-thư cho quan Tổng-đốc, tôi tiến tới gần cửa thành, và nói với người lính canh rằng: « Thưa bác lính canh-cửa, sao hôm nay bác dậy mở cửa cho người qua lại chậm thế ? » Tên lính canh trả lời, nói rằng trái lại, nó không ngủ; vậy làm thế nào mà nó dậy trưa được ! Tôi bèn hỏi: « Việc gì làm bác không ngủ ? » Nó do-dự, không trả lời. Tôi nói: « Nay ! đây là một bức thư cấp-tốc mà quan Nguyên-soái gửi cho quan Tổng-

đốc. Tôi nhờ bác mang vào cho. Tôi đứng đây, đợi trả lời. Tôi mong rằng quan Tổng-đốc sẽ sai mở cửa cho tôi vào. »

Tên lính canh cầm thư vào thành. Lập-tức, tôi trở về khu nhượng-địa. (Sở-dĩ tên thông-ngôn bỏ về liền, chứ không đợi trả lời như y đã nói, có lẽ là theo huấn-lệnh của Rivière. Y chỉ nói giới; để cho lính gác tin và nhận thư.)

Về đến nơi, tôi thấy quan Nguyên-soái còn đợi tôi. Ngài bảo tôi vào xa-lông ăn điểm-tâm. Ăn xong, tôi phải theo Ngài đi đánh thành. Quan tư Chanu, là phó-soái, sắp-đặt cuộc tấn-công.

“ Tôi cùng đi với quan Nguyên-soái. Hộ-tùng có một còm-ba-nhi (tiểu-đoàn) lính đồn-bộ và có quan hai Fiashi. Dọc đường, quan Nguyên-soái rút đồng-hồ xem, rồi nói « Đã đến giờ định rồi. Đại-bác phải bắt đầu bắn lúc tám giờ mười lăm. »

“ Lập-tức sau, tàu chiến La Fanfare (Kèn), La Massue (Dùi-cui), La Hache (Búa) bắn ầm ầm. Tàu La Surprise (Bất-ngờ) không tới kịp, vì mắc cạn dọc đường Hải-phòng đi Hà-nội.

Mười giờ rưỡi, các tàu ngừng bắn. Quan Nguyên-soái ra lệnh xung-phong. Lúc vào thành, chúng tôi đi tới Hành-cung. Thấy quan Tuần-phủ ngồi ở đó. Ông là người coi riêng tỉnh Hà-nội. Ông hỏi chúng tôi có gặp quan Tổng-đốc Huỳnh Diệu ở đâu không. Chúng tôi không biết.

Quan Tổng-đốc chống-cự trên Cửa-bắc tới phút cuối-cùng. Đến bốn giờ chiều, có người tới nói với tôi rằng quan Tổng-đốc đã tự thắt cổ ở cây ổi, gần miếu Công-thần (3), và người hầu đã chôn ông

rồi. Quan Nguyên-soái sai tôi tới xét thực-hư. Vì muốn thi-hành nhiệm-vụ mà quan Nguyên-soái đã giao cho, tôi ra lệnh cho người hầu kia bới đất một ít, để tôi nhận mặt quan Tổng-đốc. Thì thấy chung-quanh chỗ ông còn vẩn cái khăn nhiều xanh mà ông đã dùng để tự-tử. Tôi trình với quan Nguyên-soái những điều đã thấy.

“ Vì chúng tôi phải bỏ thành, cho nên quan tư Rivière (tức là Nguyên-soái) sai tôi đi tìm quan Ân, là người có họ với vua, để báo tin rằng quan Nguyên-soái sẽ giao trả thành và đồ-đạc. Quan Ân tới trình-diện để nhận thành. Lập-tức thành được trả cho quan Ân.”

Theo sử ta, thì cả tuần-phủ Hoàng Hữu-Xứng và án-sát Tôn-thất Bá-thương-thuyết để nhận thành. Nhưng quân Pháp vẫn đóng lại Hành-cung. Tháng tư, vua Tự-đức sai nguyên-tổng-đốc Trần Đình-Túc ra Hà-nội điều-đinh. Pháp ép phải nhận quyền bảo-hộ của Pháp, và quyền lập thương-chánh ở Bạch-hạc (Việt-tri). Tháng mười năm ấy, Trần Đình-Túc về Huế, để Nguyễn Hữu-Độ lại làm tổng-đốc Hà-Ninh (Hà-nội Bắc-ninh).

Vua Tự-đức không bằng lòng. Bèn sai sứ sang cầu-viện vua Thanh. Một mặt khác, vua sai Hoàng Kế-Viên tụ quân tại đồn Vàng, ở Hưng-hóa, để liên-lạc với quân Cờ-đen. Quân Thanh cũng lục-tục kéo sang địa-phận Bắc-kỳ. Trong lúc ấy, quân Pháp cứ tuần-tự thi-hành ý-định, là chiếm các thành-phố lớn và những nơi quan-yếu về kinh-tế, như mỏ than Hòn-gay. Xung-quanh Hà-nội, cũng có một vài nơi đánh-nhau. Nhưng ai ai cũng nóng lòng đợi tin tổng-phản-công của quân ta hợp với quân Thanh.

GIÁ-TRỊ NHỮNG BÀI VẦN

Trong tình-trạng ấy, bài *Hà-thành-thất-thủ ca* được viết ra. Bài ấy viết từ tháng tư năm Nhâm-ngọ 1882, và sau thêm dần, đến tháng chín mới thôi (xem đoạn đầu và cuối bài). Tác-giả là ai? Nay ta không biết. Lời văn giản-dị, ý-tứ khá chất-phác, làm ta tưởng đến một nhà nho bình-dân nào đó, tiêu-biểu cho kẻ bình-dân đương-thời. Xét thấy trong bài có một ít tiếng đàng trong dùng (như *ni, mi, mần rãng* ở câu 79-80; *vô* ở vế 62, *nớ* ở vế 105), và những vần sai, nhưng người đàng trong hay gieo, vì giọng đọc riêng (như *bắc* với *bắt* ở các vế 193-194, *vàng* với *đoàn* ở các vế 115-116, *then* và *Tường* ở các vế 40-41, *quang* và *vàn* ở các vế 223-224), thì ta nghi rằng tác-giả có thể là người đàng trong, ra ở Hà-nội. Nhưng đó cũng không lấy gì làm chắc.

Bài *Hà-thành thất-thủ chỉ công quá ca*, mà thường gọi là *Chính-khi-ca* có lẽ viết liền sau khi Hà-nội thất-thủ. Tác-giả có lẽ cũng cùng là tác-giả bài trên, và chắc là tác-giả những bài đường-luật ở đoạn IV. Cách dùng vần, như đã nói trên, ở đây càng rõ-rệt. Chữ *gian* với *thương*, ở câu 108-109 là khó tránh đã đành; còn như *đoàn* với *tàng*, ở câu 70-71, nếu tác-giả là người đàng ngoài, thì đã đổi *đoàn* ra *phương* cho khỏi lạc vận. Về bài này, có kẻ nói là của một nhà văn có tính nông, đời bấy-gi, ở tên là Ba Giai. Nhưng chẳng qua là vin vào mấy lời châm-biểu để phỏng-đoán mà thôi.

Còn riêng về ba bài ca khúc *điều* thì có lẽ là của người khác. Lời văn cầu-kỳ, dung điền-cổ hơn các bài trước nhiều.

Xét về giá-trị văn, ta nhận thấy rằng hai bài ca có giá-trị văn tự-sự rõ-ràng, giản-dĩ, mà không quê, không ép vần, ép chữ. Văn lại viết bởi người sống trực-tiếp những biến-cổ kể trong, cho nên giọng văn thiết-thực, gọi được tình-cảm vui buồn, tức giận, mong-mỏi hay phàn-nàn. Ở nước ta, thường thiếu những loại văn này. Cho nên giá-trị hai bài ấy lại càng tăng.

Những bài *điều* thi thuộc loại văn tiêm-nhiêm nho-học nhiều. Mà lời cũng như ý, phần nhiều là sáo cả.

Còn những bài án, thì có giá trị của lối văn trào-phúng, Văn dễ-hiểu và ý ngộ-nghĩnh khi chế-điều những viên quan hèn-nhát. Nhưng khi khen-ngợi Hoàng Diệu, thì giọng văn lại hồn-hậu và cảm-động.

Dẫu bằng lối nào, các bài văn này đều là văn của kẻ đương-thời, viết ra dưới sự cảm-xúc trực-tiếp, theo sự nghe thấy hằng ngày. Ta chờ cho đó là những sử-liệu tuyệt-đối đúng. Nhưng nó có giá-trị, vì nó lưu lại dư-luận đương thời. Ta cũng đừng coi những lời phê-bình trong các bài văn là đúng hẳn, và cũng không nên quan-tâm đến những tiếng gay-gắt khi các tác-giả nói đến những người họ oán hay ghét. Đó là thường tình mà thôi.

Chúng tôi đã dùng những bản của Trương Vĩnh-Ký sao bằng *Quốc ngữ* vào khoảng 1884, nghĩa là gần áp sau khi xảy ra việc đánh Hà-nội lần thứ hai. Nhưng kẻ đọc lại, cho Trương Vĩnh-Ký chép, đã tự

chứa đi một vài câu mà họ sợ làm mất lòng người Pháp, cho nên nó khác những câu mà nay còn có người chép hay nhớ. Sau này chúng tôi gọi bản ấy là *nguyên-bản*. Về bài ca thứ nhì, thì tôi còn có ba bản nôm chép tay khác, nó bỏ-khuyết cho bản của Trương Vĩnh-Ký. Chúng tôi mong rằng nếu độc-giã nào còn có bản sao cũ khác, thì cho biết để cải-chính hay bỏ-khuyết (4).

KẾT LUẬN

Đọc xong mấy bài văn sau này, chúng ta thấy rõ những duyên-cớ làm nước ta đã bị mất.

Những kẻ cầm quyền ở trên thì không biết lo xa. Lúc lâm nguy mới tìm cách chữa. Mà tìm-cách lại vụng-về. Những kẻ thừa-hành thì vô-tài, không biết tổ-chức cả đại-thể, mà chỉ lo giải-quyết những vấn-đề con-con. Lúc lâm-sự, thì hoàn-toàn uơ-nhèn hay gian-trá. Trong cái xã-hội lấy kẻ sĩ cầm đầu, những kẻ ấy thật đã không có một tư-cách gì xử-biến. Cũng may có một vài người, như Nguyễn Tri-Phương và Hoàng Diệu, còn cứu-vãn ít-nhiều danh-dự cho bọn sĩ-phu. Chẳng trách gì mà kẻ làm các bài văn này ca-tụng các vị ấy, mà thọa-mã bọn kia.

Nhưng xét đến dư-luận đơng-thời, qua bài ca số I, thì ta lại hiểu rõ rằng dân-gian cũng không có một mảy-may tinh-thần độc-lập, mà chỉ lấy sự khổ thân làm chính; chỉ biết trông-cậy vào sức viện-trợ của ngoài, và hành-động của quan trên. Hễ trên đồ, và ngoại-viện lui, thì cả cơ-đồ của nước ta cũng đồ. Sống trong giai-đoạn lịch-sử ngày nay, ta đọc các bài văn này, không khỏi phải nghĩ-ngợi.

PHỤ BIÊN

(1) Các quan tỉnh Hà-nội bấy giờ có những vị sau :

Hoàng - Diệu, tự Quang-viễn, người xã Xuân-đài, huyện Diên-phước, tỉnh Quảng-nam. Đậu cử-nhân năm 1848 ở trường Thừa-thiên, và đậu phó-bảng khoa 1853. Nhà ông sáu anh-em ruột đều đậu-đạt.

Hoàng Hữu-Xứng, tuấn-phủ. Người xã Bích Khê, huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị. Đậu cử nhân khoa 1852 trường Thừa-thiên.

Phan Văn-Tuyền, bổ-chánh. Người xã Chính - mông huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa. Đậu cử-nhân năm 1848 tại trường Thừa thiên. Vì việc ông đào-ngũ ở Hà-nội, nên ông phải cách chức về làm dân.

Tôn-thất Bá, án sát.

Lê Văn-Trinh, đề-đốc; Lê Trục, lãnh-binh; Hồ Văn-Phong và Nguyễn Đình-Đường, phó lãnh-binh.

(2) Một viên vũ-quan Việt Nam đã từng mục kích việc Hà-nội thất-thủ năm 1882 có kể lại chuyện ấy. Ấy là ông Nguyễn Đình-Trọng, thường gọi là cụ Cử Tồn (cử-nhân võ). Ông đã từng làm suất-đội hộ-vệ quan tổng-đốc H. Diệu. Ông mới mất năm 1947; thọ gần một trăm tuổi : Ông Nguyễn Tường-Phượng đã viết lại chuyện ấy trong báo Tri-tân số 183. Sau đây là lời ông Tường-Phượng thuật lại ;

“Trước đó một tháng, quan tổng-đốc Hà-Ninh Hoàng Diệu thám biết sự dòm-dỏ xứ Bắc kỳ của quân Pháp, đã bắt đắp thành đất chắn ngang từ cửa Đông sang cửa Tây. Các cửa thành đều lấp hết, sự đi lại phải dùng thang (?)”.

“Ngày mồng tám tháng ba năm Nhâm-ngọ, vào khoảng giờ Thìn, một người thông-ngôn Nam kỳ, tên là Phong (Tức là đốc-phủ Phong) mang chiến thư vào thành. Án sát Tôn-thất Bá xin với quan Tổng đốc ra thương lượng với ông năm (?) Henri Rivière về đình-chiến.

“Quan Tổng đốc sai giồng dây cho Tôn thất Bá xuống góc thành cửa Bắc (phía bóp hàng Đậu). Nhưng sự thật thì Tôn thất Bá lập-tâm trốn ra nằm ở đền Ngọc-sơn (?) ; khi thành đã vỡ thì theo binh Pháp mà nhận lấy thành.

“Cách độ một giờ sau, quân Pháp bắt đầu bắn vào góc thành cửa Bắc, chết một viên quân đội Hùng-nhuệ. Bó-chánh Tuyên bỏ chạy. Quân Pháp bắc thang vào. Tuyên chạy thẳng vào kho. Khơ bốc hỏa. (Chỗ này cụ cử Tồn lại nói thêm rằng Hoàng Diệu đã giấu thuốc súng ở kho Hậu-lâu; chỗ kho lửa bốc cháy là do mấy tên nội phản đốt hỏa-hồ làm hiệu cho quân Pháp, và để làm loạn lòng quân ta. Sự thật thì kho thuốc súng vẫn nguyên). Rồi súng bắn xối vào chỗ quan Tổng-đốc đóng ở cửa Chính-bắc.

“Đề-đốc Lê Trinh giữ cửa Đông bỏ chạy. Chỉ còn phó-lãnh-binh là Hồ Văn-Phong đứng kèm với quan Tổng đốc. Ở cửa Tây, thì lãnh-binh Lê Trực thấy núng cũng tháo lui. Ở cửa Nam thì thủy-sư lãnh-binh Nguyễn Đình-Khang. (Đường?) cố-thủ.

“Pháp quân bắn vào cửa Bắc dữ quá. Quan Thượng (Hoàng Diệu) mới lên voi chạy vào Hoàng-cung. Vào sân rồng, lạy nằm lạy; vừa lạy vừa khóc rồi quay ra. Lúc ấy, quan Tổng-đốc chít khăn xanh, mặc áo the thâm, thất lung nhiều điều, tay cầm kiếm. Ngài đến cửa Võ-miếu. Xuống voi, đi vào, có mười võ cừ sung suất-đội đi theo.

“Đến đấy, ngài đuổi cả ra, và bảo rằng: « Ai muốn về Huế thì về; còn ai muốn đánh thì theo lên quân-thứ Sơn-tây. » Nói xong. Ngài vào Võ-miếu, đóng sập cửa lại, cỡi khăn chít, buộc lên cây táo mà tự-vẫn.

“Khi thành đã phá xong, trong hàng phố được tin quan Tổng đốc tuần tiết, rất lấy làm thương-xót. Ông thượng Kim, một thân hào, cùng dân hàng bang, góp tiền mua áo quan đem chôn ở gần miếu Trung-liệt, cạnh mộ quan Khâm-sai Nguyễn Tri Phương (?). Rồi sau lại đi ra dinh quan Đốc-học (gần phố Sinh từ).

“Quan tuần-phủ Hoàng Hữu-Xứng ra hàng, được ở lại. Còn đề-đốc, chánh, phó lãnh-binh đều treo thành trốn lên phủ Hoài

“Cách ba ngày sau, triều-đình sai hai quan Khâm-sai, là Nguyễn Trọng Hiệp và Trần Đình-Túc ra nghị hòa. Lại có

chỉ đòi các quan Hà-nội như bố-chánh Tuyên, án sát Bá, đề-đốc Trinh, chánh-lãnh-binh Trục, phó-lãnh-binh Phong và tác-vị-lính binh Nguyễn Long, phải già-tỏa (gông xiềng) lai-kinh. Nhưng sự thật thì mỗi ông này, mỗi người có một cái xiềng bỏ trong tráp, mà vẫn đi chơi ngoài phố. Về sau, cả bọn đều được miễn-ngự.

Tuy chuyện thuật lại trên có điều chắc sai, nhưng nó cũng xác-nhận phần lớn lời thông-ngôn Phong đã kể. Trong đoạn V, tôi sẽ có những bài tường-thuật của các người đương sự.

(3) Chắc là Võ miếu. Trong bản-đồ cũ Hà-nội, không thấy có đề tên miếu Công-thần. Và trong các sách, thường nói Võ-miếu ở góc tây-bắc thành. Nhưng sự thật thì ở phần tay-nam

(4) Về thân-sử ông Hoàng-Diệu, thì có bài của ông Khuê-trai đăng trong báo Tri-tân số 182, khá tường-tận. Ông lại cho biết có nhiều bài văn nôm về Hoàng Diệu, như *Chính-Khi-ca*, *Bắc-tĩnh-ca* nữa. Còn bài biểu bằng chữ nho mà người ta thường truyền tụng và cho là Hoàng Diệu làm đề gửi về triều trước lúc mất, thì sợ không được chắc thật (xem phần V).

Về các văn, thì báo Thông-bia số 2, năm 1945 có đăng bài chính khi-ca, báo Tri-tân từ số 182 đến số 190 có đăng hát hát III 3 và thơ IV 1, bài Chính-khi-ca và một ít câu đối.

HÀ - THÀNH THẮT - THỦ CA

Tiết mạnh-hạ, 1 hiện Nam ngồi mát, 1
 Chuyện Thăng-long điện-mặt 2 kể ra.
 Bao nhiêu nông-nôi tỉnh Hà.
 Hai lần phân-nhiều 3 những là làm sao ?

I. — HÀ-NỘI MẤT NĂM 1873

Năm Qui-dậu, 4 tàu-vào vừa tới, 5
 Người Bắc-ki rằng mới biết Tây ;
 Rủ nhau xem-sóc thâu ngày.
 Đem quân về đóng ở rày *Trường-thị* 5.
 Tờ niêm-yết *Ngạc-nhe An-nghiệp* 6:
 « Đường giao-thông tiến-tiếp lại qua. 10
 « Xa nghe đồn tỉnh Bắc-hà,
 « Giặc Tàu quấy rối vậy mà đến đây. »
 Các quan tỉnh nghi-nghi hoặc-hoặc,
 Những bàn riêng rằng : « Giặc bên chân! »
 Tháng mười, mồng một, giờ Dần 7, 15
 Âm-âm hạ tỉnh, là lần ngày xưa.
 Khi ấy có *Khâm-thừa* quan NGUYỄN 8,
 Cha con đều ngộ biến thất cơ,
 Phò Lâm 9 mắc nạn bây giờ,
 Cha già tuyệt thực còn chờ quyền sinh. 20

1. Tháng tư — 2. Đầu-đuôi — 3. Rối loạn — 4. 1873 5. Khoảng
 thư viện và trường kỹ-nghệ Hà-nội — 6. Francis Garnier — 7. Trước
 năm giờ sáng — 8. Khâm-sai Nguyễn Tri-Phương — 9. Phò-mã
 Nguyễn Lâm con Nguyễn Tri-phương.

II. — CỜ ĐEN PHẢN CÔNG

- Các quan sau quyết-tinh lên thứ 10,
 Ông tham *Tôn* 11 tức-sự khởi-hành.
 Đem quân về đông *Diễn*, *Canh* 12,
 Nhơn-nhơn 13 thu-phục tỉnh-thành về ta.
 Chỗn *Thăng-long* thật là thượng-đẳng, 25
 Xui tướng *Tây* quyết thăng tiến-truy.
Thất-cơ phải chú *Hắc-ki*,
 Ngoài ô, một trận, Ngạc-nhe qua đời.
 Khách các hiệu rưng-rời nhao-nhác,
 Giọng vắn tay đồ-đạc xuống *Tàu*. 30
 Giữa dòng chiếc trước, chiếc sau,
 Ra ngoài *Ninh-hải* 14 để hầu về Nam.
 Quan thừa-thắng, diện-bàn tướng-sĩ,
 Bất-thình-linh có chỉ *Kinh* ra.
 Chuộc thành mà lại giảng-hòa, 35
 Định, *An-Ninh-hải* 15, tới Hà-nội đây.
 Quan *Hoàng Thống* 16 nghe rầy bứt-rứt,
Lưu-Hắc-ki kéo phứt lên *Ngâu* 17.
 Phá ngang việc ấy bởi đâu?
 Nhà công xế bóng, cửa châu long-then 18 40

III. — HÒA-ƯỚC 1874

Sai quan *Nguyễn Văn-Tường* chánh-sứ,
Hoắc-đạo-sinh 19, thử thứ là đây.

10. Lên quân-thứ Sơn-tây. Nguyên-bản chép : nên thử. Không hiểu nghĩa, nên chúng tôi đoán mà chữa — 11. Tôn-thất Thuyết — 12. Các làng trên đường đi Sơn-tây — 13. Sửa-soạn một cách rộn-rịp — 14. Hải-phòng 15. Hưng-yên, Nam-định và Hải-phòng — 16. Hoàng Kế-Viêm thống-đốc các quân ở Bắc-kỳ — 17. Lưu Vĩnh-Phúc tướng quân Cờ-đen rút về Lao-kay. Sông Ngâu là sông nhánh ở tả ngạn sông Thao. chảy qua địa-hạt Lao-kay — 18. Vua Tự-đức nhiều tuổi, chính sự không cương-quyết — 19. Philastre cùng Nguyễn Văn-Tường lần này ra Hà-nội gián-xếp.

Quan Nam với lại quan Tây,
 Sửa-sang khi ấy, dân rày được yên.
 Việc thanh-khoản, chỉ 20 truyền về bộ, 45
 Quan Nguyễn Tường thăng Hộ thượng-thư.
 Qua năm Giáp-tuất 21 tháng tư,
 Thấy quan Nguyễn Chánh phụng từ Kinh ra.
 Điều niêm-yết mới hòa-ước đó,
 Gẫm kĩ xem có khó nghe thay! 50
 Non sông cao rộng thế này,
 Nào người trí-dững, nào tay anh-hùng?
 Quan Tăng-Doãn 22 rằng: « Vâng Thánh chỉ,
 Tỉnh Hải-dương lĩnh ý phải ra. »
 Quan tư với lại quan ba 55
 Tìm nơi Hà-nội, lập tòa Trảng-lây 23:
 Thấy phố-xá người đầy, đất hẹp,
 Nhà thứ-dân rộn-rịp chĩnh khôn 24.
 Thênh-thênh sẵn chốn Thủy-đồn,
 Làm tòa ở cạnh ở-môn Trường-tiền. 60
 Khai thương-chánh, thu-biên thuế thủy,
 Cùng quan-ta quản-lý thâu chung.
 Rồi sau mới lập ngoài sông,
 Nhà cao ngất-ngưỡng bên sông Nhị-hà.
 Quan thượng-tỉnh tên là Đình-Túc 25, 65
 Nghĩ tuổi già, nhần-nhục là xong.
 Oán kia xếp để bên lòng,
 Nói cười leo-lẻo như giồng nước xuôi:

20. Lời vua truyền — 21. 1874 — 22. Nguyễn Tăng-Doãn được
 bổ làm tuần-phủ Hải dương để giao-thiệp với Pháp. Nguyên-bản
 chép Những, là sai — 23. Khu đất dọc bờ sông, từ khoảng bảo-
 tàng Đông-phương-bác-cổ đến nhà thương Đồn-thủy — 24. Rất
 khó khăn — 25. Trần Đình-Túc.

Ngoài thất-thập, số người tri-chức 26,
 Quan-quân đều thồn-thức tiên-đưa. 70
 Về nhà được mấy nắng mưa,
 Câu thơ xuân-nhật, cuộc cờ hạ-thiên.

IV. - HOẢNG DIỆU RA TRẦN HÀ-NỘI

Đất Hà-nội là miền xung-yếu,
 Lại sai ông *Hoảng Diệu* ra thay.
 Vốn người tính nóng, lòng ngay, 75
 Dũng-cương, chẳng biết đái Tây như Trần 25.
 Việc tình-vụ đang phần giồng-giã,
 Đánh thông-ngôn làm hạ nộ-uy
 « Mi là người ở nước ni,
 Mần rằng 27 không giữ lễ-nghi ngôn-tử? » 80
 Nỗi nhà nước rối như mắc cười.
 Chừng gió Tây 28, tầm-gửi lẩn ngành.
 Lễ đầu biết cũng làm thình,
 Độc lòng ái-quốc, nặng tình sự-quân.
 Từ Canh-thìn bước lần năm ngoài 29, 85
 Số xây thành bên trại *Võ-sinh* 30.
 Tập rèn linh-tráng cho tinh.
 Phòng khi sự bất-thình-linh làm sao.
 Các cửa thành truyền giao cấm-cách,
 Giữ người Tây, với Khách vào-ra 90
 « Khi nào có việc nước nhà,
 Đem đơn bầm trước, bay hòa cho vô. »

26. Hưu-tri — 27. Làm sao — 28. Theo chứng thể-lực Pháp
 29. Khoảng 1880-1881 — 30. Trong thành.

V.—HÀ-NỘI THẤT-THỦ NĂM 1882

- Lang-sà thấy cơ-đồ biết ý,
 Tờ năm này thịnh-khí kéo ra.
 Giờ Thìn ³¹ mồng tám tháng ba, 95
 Hạ thành này nữa ấy là thứ hai.
 Quan Hoàng Diệu quyết tài nhất chiến ³²,
 Lĩnh-binh *Đường* xử biến hỏa-công.
 Đương cơn súng bắn đùng-đùng,
Lĩnh-binh, quan *Bổ* thể cùng, trút ra. 100
 Quan *Độc bộ* ³³ đứng xa ngó thấy,
 Nghĩ tức mình, vào lạy *Hoàng-cung*.
 Sau ra đến miếu *Võ công* ³⁴.
 Buộc khăn tự tử, vào vòng quyên-sinh.
 Quan *Tuần-phủ* ³⁵ thất-tinh khi nổ ³⁶, 105
 Đau lằng-nhặng ba bữa lại lành.
 Văn võ đều tách ra thành,
 Lên Đồi, sang Bắc ³⁷, tan-tánh chạy tan.
 Kể ngoài thành những quan nhỏ-nhỏ,
 Tri-phủ *Hoài*, huyện *Thọ* là ai? 110
 Thọ-xương tách những khi mai,
 Đến trưa ấy, chủ phủ *Hoài* cũng bon.
 Quan đi cả, mà còn thành-lũy,
 Chạnh lòng người ngẫm-nghĩ mà thương!
Kinh-thiên ³⁸ ngại ngự thếp vàng. 115
 Tây ngời đánh chén với đoàn thanh-lâu.
 Các chùa miếu đầu đầu đẩy tá,
 Can gì Tày, cũng phá tan-tánh?

31. Quá bảy giờ sáng — 32. Đánh một trận quyết-liệt — 33. Tổng-đốc — 34. Võ-miếu — 35. Hoàng Hữu-Xứng — 36. Ấy — 37. Sơn-tây và Bắc ninh — 38. Điện chính ở Hành-cung.

Chủ kho Tượng cũng chẳng lĩnh,
 ĐỀ Tày đem đốt, ra tình trêu người. 120
 Kể chi hấn hại người đến thế,
 Hạ thành rồi chẳng để cho xây.
 Có người rằng : « Lũ Tày này,
 Khác Tày Qui-dậu ³⁹, mà rày lãng-nhãng. »

VI.— GIẢNG HÒA

Dân xiêu-lạc, hỏi xãng (sẵn) hỏi đón : 125
 « Về đánh Tày có bọn nào không ? »
 Đồn : quan tiết-chế Hoàng-công ⁴⁰,
 Hắc-kì hợp với Sơn Hùng ⁴¹ giảng đồng.
 Đang sắm-sửa hỏa-công, khi-giới,
 Tế cờ rồi ngài mọi cất quân. 130
 Người ta tấp-tênh nghe dần,
 Bữa mai, bữa mốt, đại-thần về đây.
 Đỏ như mắt cá chày mong-mỏi,
 Tỉnh ngón tay đã ngoại thảng ba.
 Bồng đầu có sứ Kinh ra, 135
 Tĩnh-biên Đình-Túc ⁴² giảng-hòa với Tày..
 Được hai bữa, kéo ngay vào tỉnh,
 Thấy kho-tàng, dinh-sảnh sạch không.
 Bàn nhau sớ tấu Cửu-trùng,
 Thấy sao nói vậy đủ trong tình-hình. 140

VII.— KHEN, CHÊ

Kia như kẻ học-sinh cửa Thánh,
 Hề làm trai phải gánh cương-thường.

39. 1873 — 40. Hoàng Kế-Viem — 41. Sơn-tây Hưng-hóa — 42.
 Trần Đình-Túc lại được sung chức Khâm-sai Tĩnh-biên-sứ

Ngán cho Đốc-bộ họ Hoàng,
 Đan-tâm có một, cương-lương không hai⁴³.
 Cũng có kẻ van hoài xuất thú⁴⁴, 145
 Lại có người mặt ủ hờn cơm.
 Nhờ ai cũng dựa tiếng thơm,
 Tiếc gì xuân nữa, mà sòm-sở ai⁴⁵.
 Được mấy kẻ anh-tài phải đạo,
 Đều ăn cơm mặc áo trên đời. 150
 Đến khi có việc tay trời,
 Trơ-trơ chỉ thấy một người tận-trung.

VIII. CHẠY LOẠN

Trong thế-ếuộc nào mong như thế.
 Nổi phố-phường mới kẻ mà nghe.
 Bể nay xuân đã sang hè, 155
 Thân này đóng cửa mà nghe sự đời.
 Tỉnh Hà-nội, những người phố-xá,
 Chạy loạn Tây vất-vả cũng thương.
 Xách già, ôm trẻ vội-vàng,
 Về quê ăn tuyết tự-lương sạch rồi. 160
 Ở cũng cực, ra thời cũng cực,
 Tưởng bán-buôn mà bức mọi bề.
 Bể ai có chợ, có quê,
 Tiện phường thương-mại, tiện nghề điền-viên.
 Cũng có kẻ quen miền phố-xá, 165
 Thôi quê mùa, bỏ-ngõ xưa nay.
 Ra hải, vào hán thế này,
 Bầy giờ lại phải dải-dây tuyết-sương.

43. Lòng son dạ sắt — 44. Ra thú — 45. An-chỉ quan tuần-phủ.

IX. MONG QUAN-QUÂN

- Xưa chạy loạn, nay đờng chạy loạn,
 Khúc ngày xưa khác đoạn ngày nay. 170
 Có quan đi giữ đẹp Tây,
 Nay quan chẳng thấy, loạn này bao yên ?
 Rạng nghe đổng trên miền *Dày*, *Kẻ* 46,
 Mai lại nghe ở *Vẽ*, ở *Vòng*.
 Lại nghe mới bước đến *Phùng*. 175
 Lại nghe Ngài đổng về vùng *Thanh-oui* 47.
 Nghe đồn tiếng rằng Ngài phủ *Lý*,
 Huyện *Nam xang* 48 quan thủy đổng thuyền.
 Đồn rằng Ngài ở *Tam-Tuyên*, 49
 Hắc-ki vừa tới, Thanh-biên 50 vừa qua. 180
 Thôi thôi hãn Ngài đà đãi-chi 51,
 Hễ mà nghe Thánh-chỉ mần rằng ?
 Cho nên việc phải dùng-dặng.
 Hết ngồi mà sợ, hết nằm mà lo.
 Quan ta chứa (trữ) các kho tiền thóc. 185
 Mong làm hòa, đỡ khóc, đỡ van.
 Sớ ra giục-giã các quan,
 Tây thì khảng-khái, biết bàn làm sao ?
 Tòa thất-thủ, xiềng trao già tởa 52,
 Phải lại-kinh, tra đã không tha. 190
 Lanh-quanh ta lại với ta,
 Kinh-thiên 38 Tây ở, thế mà diềm nhiên !

46. *Dày*, *Kẻ*, *Vẽ*, *Vòng*, *Phùng* đều là những làng thuộc phủ *Hoài-đức* ở phía Tây Hà-nội. 47. Tên làng và huyện ở Hà đông, phía tây-nam Hà-nội. 48. Huyện ở Hà-nam ở phía nam Hà-nội — 49. *Tuyên-quang*, *Hưng-hóa*, *Son-tây* — 50. Quân nhà Thanh — 51. *Nhãng chí* — 52. Các quan bị giải về Kinh, tay đeo xiềng, cơ đeo gông. Sự thực thì không phải gông xiềng.

X. MONG QUÂN THANH

Đồn Tàu Khách sang miền tây-bắc,
 Làm rọ 53 nhiều, hẳn bắt đọan Tây.
 Mấy mươi dinh kéo đến đây, 195
 Những là mong-mỏi, mà rày thấy đau.
 Hay các chú phá 54 tàu Đông-hải,
 Còn quay về đóng lại mới sang ?
 Mau mau cứu lấy Đại-Nam,
 Gạo đong hầu hết, củ lang không nhiều ! 200
 Lúa ngô, gạo nếp đều vét sạch,
 Vận Bắc-kỳ có bách hay không ?
 Sự hòa còn nói viên-vông,
 Một nhà ba chủ, biết trông chủ nào ?

XI. - CẢNH HÀ-NỘI BỊ CHIẾM

Chuyện lúng-túng làm sao thế ấy ? 205
 Mãi thế này những thấy bết-be.
 Nực cười kể chuyện kè-nhè,
 Người cùng, tìm chốn chộ-che qua ngày
 Đàn-bà phải lấy Tây cũng bức,
 Dấu rậm ráu, mạnh sức cũng liều. 210
 Người Nam, lớn bé bao nhiêu,
 Ở hầu, làm bếp, cũng đều làm ăn.
 Cô thống-sát, thông năm 55 vô-số,
 Vợ quan Tây, bà cố 56 chan-chan.
 Vông đào, giày thắm nghênh-ngang, 215
 Mới hôm nọ, đã bà quan tênh-tàng.

53. Thứ lồng dùng bỏ lợn vào trong mà gánh — 54. Tàu bị hỏng — 55. Không biết đó là những chức gì, có lẽ là cảnh-sát và thông-ngôn — 56. Bà có con hay rề làm quan.

Phường nhà bếp nghênh ngang đi phố,
 Áo quần Tây, tăng-lố thông-ngôn.
 Nay tàu lên Hạc ⁵⁷ lập đồn,
 Làm thêm thương-chánh, bán buôn cho nhiều. 220

XII.— NÓNG BỢI PHẢN-CÔNG

Rày nghe tiếng Thiên-triều ⁵⁸ đến Quán ⁵⁹,
 Do Văn-nam mấy vạn kéo sang.
 Bắc-ninh với lại Tuyền quang,
 Quảng yên, Thái Lạng, ⁶⁰ vô-vấn Thanh-quân.
 Xin cứu lấy nước Nam, đánh báo, 225
 Cỏ từ tư thu gạo chò nhiều.

Sức dân : « Định giá bao nhiêu,
 Thuận mua, vừa bán, Thiên-triều trả cho.»
 Sơn, Hưng ⁶¹ phải làm kho chứa sẵn,
 Lương-biên-giang cứ thẳng kéo về. 230

Tỉnh-thành cho chí chợ quê,
 Chỉ lo chết đói mà mê-mẩn người.
 Còn dưng-tráng trên người bặng-nặng,
 Người làm công thẳng-thẳng lưng xoi.
 Nghĩ buồn Nam-Việt sự đời, 235

Những ăn hà-tiện, của thời cho ai!
 Nay Tây cậy có tài thiện thủy ⁶²,
 Đường sơn-lâm, hấn bí kế thời.
 Tàu bè ngược-ngược xuôi-xuôi,
 Lên Sơn Hưng, đoạn, lại hồi Trường-tây. 240
 Chú Khách cậy quân này thiện bộ ⁶³,
 Dòng Nhị-hà hấn đổ giám qua.

57. Bạch hạc, Việt-tri — 58. Quân Thanh — 59. Huyện-lỵ Trấn-an, gần Bảo-hà — 60. Thái-nguyên và Lạng-son — 61. Sơn-tây và Hưng-hóa. — 62. Giỏi đánh trên nước 63. Giỏi đánh trên bộ.

- Đi đâu quanh-quần thế mà?
 Hết Lâm, Đoon 64 lại Bảo-hà, sóng Ngâu 17
 Hai bên cứ giữ nhau thế mãi, 245
 Hay sợ hơi, có phải hay không?
 Bên c trái-phá thần-công,
 Bên c cò úp, thung 65 trồng đâm ngay.
 Sao mà giữ mãi thế này 66?
 Tây thì Hà-nội, Ngô rày Sơn, Hưng. 250
 Tinh thám-thoát qua chừng tháng chín,
 Quit đồ tròn; còn nhân 67 bao-lâu?
 Sao cò 68 mọc đã ngang đầu,
 Hồng mao với khách quan Tàu đi đâu?
 Thử nhất-quyết đánh nhau một trận, 255
 Hãy định làm cho tận-tĩnh dân.
 Đã hầu ngũ liệt, tam.phân 69,
 Tam-cương còn thiếu chữ quân làm đầu.
 Lại một hẹn rằng sau tháng chín,
 Quan Tàu về, chẳng nhịn nữa đầu. 260
 Chuyện như khất nợ với nhau
 Mấy mươi tháng nữa, mời hầu cho yên?

64. Lâm-thao, Đoan-hùng — 65. Quận Cờ-đen dùng lá cờ to, có treo lưới câu, để chụp bắt địch. Chúng lại trồng cọc giữa sông để chọc thủng tàu — 66. Sau câu 248, nguyên bản sót mất hai vế song-thất. Nhưng vì vần hợp nên cũng có thể tác-giả tự sót. — 67. Đến — 68. Sao chổi đuôi dài như cán cờ, mọc từ tháng 8 năm ấy, đến gần cuối năm mới tắt — 69. Thế chia năm chia ba.

II

CHÍNH - KHÍ CA

(Hà-thành thất thủ chí công quá ca)

Một vòng chính-khi lượn hình,
Khoảng trong trời đất: nhật, tinh, sơn, hà.
 Hạo-nhiên ở tại người ta,
 Tắc vuông sơn sắt, hiện ra khi cùng 1
 Hơn thua trong vận truân phong 2, 5
 Nghìn thu để tiếng anh-hùng sử xanh.

I.— HOÀNG DIỆU PHÒNG-BỊ

Có quan tổng-đốc Hà-Ninh 3,
 Hiệu là Quang-viên 4, trung trinh ai bằng.
 Lâm nguy, lý hiểm 5 đã từng,
 Văng ra trọng trấn mới chừng ba năm. 10
 Thôn Hồ 6, dạ vốn *nhăm-nhăm*,
 Ngoài túy giao-tiếp, trong cầm những là
 Vừa năm Nhâm-ngọ 7 tháng ba,
 Sáng mai mồng tám, bước qua giờ Thìn 8.
 Biết cơ trước đã giữ-gìn, 15
 Hơn trăm vũ-sĩ, vài nghìn tinh-binh

1. Bốn câu đều lấy ý ở đầu bài *Chính-khi ca* của Văn Thiên-Tường, trung-thần nhà Tống, vì không hàng Nguyên, nên bị giết. Ý là chính-khi trong trời đất, hiện ra mặt trời và sao ở trên, ra núi và sông ở dưới. Còn ở người, thì chính-khi lớn vô-cùng, hiện ra lúc lâm nguy — 2. Vận đen đỏ — 3. Hà-nội và Bắc-ninh — 4. Hiệu của Hoàng Diệu. Thật ra đó là tự còn hiệu là Tĩnh-trai — 5. Từng trai các sự nguy hiểm — 6. Nuốt sống kẻ mọi-rợ ngoại-xâm. Bụng chực nuốt giặc — 7. Năm 1882 — 8. Sau bảy giờ sáng..

Tiền nghiêm 9 lên đóng trên thành,
Thệ sư 10, rót chén rượu quỳnh đầy voi.
Văn-quan, vũ-tướng nghe lời,
Hăm-hăm xin quyết một bài tận-trung. 20

II. — PHÁP TÂN-CÔNG HẠ THÀNH

Ra oai xuống lệnh vừa xong,
Bỗng nghe ngoài đã âm-âm pháo ran.
Tiêm cứu 11, nổi giận xung quan 12,
Quyết rằng chẳng để chi đoàn chó dè.
Lửa phun, súng phát bốn bề, 25
Khiến loài Bạch-quỷ 13 hồn lìa phách xiêu.
Bắn ra, nghe chết cũng nhiều,
Phổ phương trông thấy tiếng reo âm âm.
Quan-quân đặc-chí, binh-tâm,
Cửa-đông, Cửa-bắc vẫn cầm vững binh. 30
Chém cha coi lũ hôi-tanh !
Phen này quét sạch-sàn-sauh mới là.
Nào ngờ thất-ý tại ta,
Vân rằng thắng trận 14, hóa mà thua cợ.
Nội-công 15 phải những bao giờ, 35
Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngã theo.
Quan-quân sợ chết thấy đều,
Thành-tây, Bạch-quỷ đánh liều trèo lên.

—9. Phòng nghiêm trước—10. Cùng quân-lính thế sẽ chết sống giữ thành—11. Giết kẻ thù — 12. Tóc dựng lên đến mũ — 13. Quỷ trắng, đó là tiếng khinh bỉ mà người Đông-Á ngày trước dùng để trở người Âu, cũng như người Pháp dùng những tiếng Nain jaune (lùn vàng), Jap để chỉ người Nhật. Như đã nói trên, chúng tôi giữ nguyên-văn, để cho rõ tình cảm của nhà văn, chứ không xu-thời tự cải văn người khác — 14. Tình trạng thắng trận — 15. Kẻ gian phá-ngâm ở trong.

- Nào ai com áo 16 dốc đèn ?
 Nào ai cầm vững cho bền ba quân ? 40.
 Nào ai còn chí kinh-luân 17?
 Nào ai nghĩ đến *thánh-quân* trên đầu ?

III. HOÀNG DIỆU TỰ-ẢI

- Một cơn gió thảm, mưa sầu,
 Nấu-nung gan sắt, dải-dầu lòng son.
 Chũ trung còn chút con con, 45.
 Quyết đem gửi cái tàn-hồn gốc cây.
 Trời-cao, biển rộng, đất dày,
 Núi Nùng, sông Nhị 18, chốn này làm ghi.
 Thương thay, gặp buổi truân-nguy ;
 Lòng riêng ai chẳng thương-vì người trung. 50.
 Rủ nhau tiền gòp của chung,
 Đem người lên táng ở *trong* Học-đường 19.
 Đau-đớn nhẽ ! Ngần-ngơ dường !
 Tả-toi thành-quách, tồi-tàn cỏ-hoa.

IV. PHÊ-BÌNH CHUNG

- Kề từ năm Dậu 20 bao xa, 55.
 Đến nay tính *đốt* 21, phỏng đã mười niên.
 Long-thành 22 thất-thủ hai phen,
 Kho-tàng hết sạch, binh-quyền rời tan.
 Đổi thay trái mấy ông quan,
 Quyên-sinh *tự nghĩa* 23, có gan mấy người ? 60

16. Ôn sinh-sống dưới quyền che chở — 17. Xử-lý những sự khó-khăn — 18 Núi đất nhỏ trong vườn Bách thảo ngày nay và sông Nhị-hà chảy qua Hà-nội. Nhà văn thường dùng núi sông ấy để trở Hà-nội — 19. Nha Học-chính xưa, ở cạnh phố Sinh-tử ngày nay, chỗ ga hàng-hóa — 20. Năm 1873 — 21. Đếm *đốt* ngón tay mà tính — 22. 1 hành Thăng-long, tức Hà nội — 23. Chết vì nghĩa.

Trước quan Võ-hiến Khâm-sai 24,
 Sau quan Tổng-dốc, một vài mà thôi.
 Ngoài ra, võ-giáp, văn-khôi 25,
 Quan, bào, trâm, hốt, nhác coi ngỡ là 26...
 Khi bình, làm hại dân ta, 65
 Túi tham mở rộng, chẳng tha miếng gì.
 Đến khi hoạn-nạn gian-nguy,
 Mắt trông ngo-ngáo, chàn đi gập-gềnh !

V. - CHÊ ĐỀ-ĐỐC LÊ VĂN-TRINH

Võ như đề-đốc LÊ TRINH,
 Cùng là chánh, phó lãnh-binh một đoàn. 70
 Đang khi giao-chiến ngang-tàng,
 Thấy quân hầu đồ 27, vội-yàng chạy ngay.
 Nghĩ coi thật đã ghê thay !
 Bảo-thần 28 chước ấy, ai bày sẵn cho ?
 Thế mà nghe những mô-hồ, 75
 Rằng quan-Đề-đốc dưới hồ Cửa-tây !
 Kể rằng treo ở cành cây,
 Kể rằng hãm dưới giếng này chẳng chơi !
 Thăm tìm tối lại hòa mai 29,
 Định rằng hợp-táng ở nơi Học-đường 19. 80
 Hỏi ra, sau mới tỏ-tường :
 Cũng loài úy-tử, cũng phường tham-sinh 30 !
 Phép công nên bắt gia-hình 31,
 Rồi ra nặng chữ nhân-tình lại thôi.

24. Nguyễn Tri-Phương — 25. Kể đứng đầu hàng vũ và văn—
 26. Mũ áo trâm hốt, trông qua thấy bành-bao lẫm, thì ngỡ là
 những vị ấy có khí tiết — 27. Gàn tan-rã — 28. Giữ lấy mình — 29.
 Cả tối và mai — 30. Sợ chết, tham sống — 31. Bắt tội.

VI. — CHÊ TUẦN-PHỦ HOÀNG HỮU-XỨNG

- Vấn như tuần-phủ, nức cười! 85
 BÌNH-CHI là hiệu, năm mươi tuổi già.
 Biết bao cơm áo 16 nước nhà,
 Kể trong sĩ-tịch cũng là đại-viên 32.
 Chén sòn chưa cạn lời nguyên,
 Nỡ nào bổng-chốc quên liền ngay đi. 90
 Lại còn quanh-quần làm chi?
 Hay là thương-tiếc vật gì ở đây?
 Hay là có chí ước bình Tây,
 Trước kia hoảng-hốt, sau này nghiên-tĩnh 33?
 Hay còn tiếc cái 34 xuân xanh, 95
 Tìm nơi, kiếm chốn gieo mình trú chân?
 Hay là còn chút từ-thần 35,
 Đã toan tịch-cốc 36 mấy lần lại thôi?
 Sao không biết xấu với đời?
 Sao không biết then với người tử trung 37? 100

VII. — CHÊ ÁN-SÁT TÔN THẮT-BÁ

- Kia TÔN THẮT-BÁ, niết-công 38,
 Kim-chi, ngọc-diệp 39, vốn dòng tôn-nhân 40.
 Đã quốc-tộc, lại vương-thần 41,
 Cũng nên hết sức kinh-luân 17 mới là.
 Nước non vẫn nước-non nhà, 105
 Nỡ nào bán rẻ một tòa Thăng-long!

32. Trong sổ tên kẻ có học, thi là một vị lớn — 33. Nghiên-cứu rõ-ràng — 34 Tuổi trẻ. Bản A đọc lầm ra *gái* — 35. Mẹ. — 36. Nhịn đói. Hữu-xứng có nhịn đói ba hôm, rồi thôi — 37. Chết để trọn lòng trung — 38. Án-sát 39. Cành vàng lá ngọc — 40. Người họ nhà vua — 41. Họ nước và tôi vua.

Thế mà liệu đã chẳng xong,
 Mặt nào còn đứng trong vòng lưỡng gian 42.
 Tư-giáo 43 rắp những mưu gian,
 Thừa-cơ xin dự hội-thương 44, ra ngoài. 110
 Ấy mới khôn, ấy mới tài !
 Lẩn đi tránh tiếng, giục người nói quanh.
 Dâng công, quyền lĩnh tỉnh-thành,
 Mà toan đồ tội một mình quan trên 45.
 Tội-danh thật đã quả-nhiên, 115
 Xin đem giao xuống Cửu-nguyên Chế-đài 46.

VIII.— CHÊ BỐ-CHÁNH PHAN VĂN-TUYÊN

Lân-la kể đến Phiên-đài 47,
 Xí-ban 48 cũng đã tuổi ngoài sáu mươi.
 Thác trông, thôi cũng nên đời,
 Sống thừa, chi để kể cười, người chê? 120
 Nhị-hà Tân-lĩnh 49 đi về,
 Giang-sơn tuyết chở, sương che cũng liêu.

IX.— KẾT-LUẬN

Còn như ti-thuộc hạ-liêu.
 Kể cộng, người quá 50 còn nhiều chan-chan.
 Biết đầu cho khắp mà bàn, 125
 Sau này đã có sử-quan thăm-bình.

42. Khoảng trời đất — 43. Giao-thiệp riêng với quân Pháp.
 44. Bàn-nghị với tướng Pháp — 45. Hình như Tôn-thất Bá đồ lỗi cho
 Hoàng Diệu khiêu-khích Pháp nên mới bị đánh. Người ta thì đồ
 cho Bá là đã cố ý ra thành xui Pháp tấn-công, để lĩnh chức quan
 của Pháp cho. Một sự chắc là Bá xin Pháp một vạn quan tiền
 (xem V). — 46. Tổng-đốc Hoàng Diệu—47. Bố-chánh—48. Hạng nhiều
 tuổi — 49. Núi Tân-viên, đây trở tỉnh Sơn-tây — 50. Kể có công,
 người có lỗi.

- Trước rèm, gió mát, trăng thanh,
 Thừa-lương nhân chốn nhàu-đình thông-dong 51.
 Xa trông tút-vút Bình-phong 52,
 Chúc mừng vạn-thọ Thánh-cung lâu dài 53,
 Rồi khi cá nước duyên-hài 54, 130
 Ra tay khạng-tế 55, dô tài kinh-luân 17.
 Đã thánh-quân. lại hiền-thần,
 Có đâu mà chẳng quân-dân thái-hòa.
 Bảy giờ ta lại với ta, 135
 Tỉnh say dật-hững 56, ngâm-nga tiêu-sầu.
 Hà-thành văn vũ công hầu,
Càng nghe thấy chuyện, càng rầu bên tai.
Diễn ca chính-khi một bài,
 Đề cho thiên-hạ đời đời khuyên răn. 140

51. Hóng mát thông-dong ở nơi đình nghỉ — 52. Núi Bình, chắc là núi Ngự-bình ở Huế. Câu này làm ta có thể nghĩ rằng tác-giả viết bài này ở Huế. Nhưng có lẽ y chỉ muốn nói : trông vào Huế — 53. Chúc mình vua sống lâu một vạn năm — 54. Duyên ư — 55. Làm yên dân, cứu dân — 56. Hững thú thanh-nhàn.

DI-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN

Về bài Chinh-khí ca nay còn nhiều bản chép Tôi đã xét bản quốc-ngữ chép vào khoảng năm 1883, nhưng thiếu mất từ vế 109, và một bản bằng chữ nôm chép cũ, và đủ. Bản đầu sẽ gọi tắt bằng bản A. Bản sau, sẽ gọi tắt là bản B. Ngoài ra, còn một bản nôm, mà ông Nguyễn Văn-Oánh đã phiên-âm mà lời chỉ có b^{ên} quốc-ngữ; nhưng nó có thêm dấu chữa lại nhiều. Bản thứ ba này gần như bản B; nhưng từ vế thứ 127, thì khác nhiều, và kém bản B bốn vế. Tôi sẽ gọi nó là bản C. Ở thư-viện Bác-cổ có hai bản sao, mà ông Hoàng Thúc-Trần và ông Nguyễn Văn-Tổ đã phiên-âm. Bản đầu không có đoạn cuối từ vế 127. Trái lại, bản thứ hai có đến 193 vế. Tôi sẽ gọi bản ấy là bản D và E. Trong các báo chí, từ khi nước ta được độc-lập, đã có báo đăng bài Chinh-khí ca, phần nhiều là theo người đọc thuộc lòng, như báo Thông-tin số hai vào dịp ngày giỗ Hoàng Diệu, năm 1945. Xét các bản ấy, thì những bản B, C, D, E phần lớn ở một gốc mà ra, và gốc ấy khác bản A.

Bản E chắc là do một kẻ nào đã tự thêm 53 vế vào bài cũ. Đoạn này vẫn kém-cỏi, ý rộng-sông. Chỉ toàn những câu văn than-vãn sáo. Sau đây chép lại mấy câu ở đầu và cuối của đoạn này. Xem qua thì sẽ thấy là giả:

Ngán thay cho cái phong-trần,

Tiếc thay cho kẻ trung-thần lấm thây!

Vì ai nên nổi nước này,

Đề người danh-tiết biết ngày nào quên.....

Nỗi niềm trông thấy mà đau,

Nỗi lòng ai dãi cho ai (nhau) hơi lòng?

Anh-hùng mới biết anh-hùng.

Bản A có tính-cách sao lại xưa hơn cả. Còn những bản kia chắc đã bị sửa chữa. Một chứng là chỉ bản A giữ đúng tự của Hoàng Diệu.

Chỉ tiếc rằng bản A nay thiếu từ vế 109, nhưng ở đầu có chú rằng bài ấy có 138 vế. Như vậy thì ít hơn bản B hai vế, mà lại nhiều hơn bản C hai vế. Có thể người trước đã đếm thiếu câu chăng?

Trên đây tôi lấy b^{ên} A làm gốc cho đoạn từ vế đầu đến vế 108. Trong khoảng ấy, có một vài chữ mà chắc A lầm, thì tôi lại lấy ở B. Những chữ ấy in ngả, và sau đây có chú-thích nguyên-thoại của A.

Từ về 109 đến cuối, tôi lại lấy bản B làm gốc, và chữa những chỗ không thông bằng thoại của bản C, D hay E. Trong khoảng ấy, chữ nào lấy ở các bản ấy thì sẽ in ngả.

Tôi sẽ chú-thích những di-điểm trong các bản như sau, nhưng tôi cũng chỉ đề ý đến những thoại khác nhau nhưng đều có nghĩa:

Trong câu: 1. Vừng (B), A vừng — 2. Khoảng (B), A rộng — 5. Vạn (B), A trận — 6. Đẽ, B chép. Xanh, B kính — 8. Quang viễn. B Hoàng Diệu — 10. Vàng, B mới — 11. Vốn, B vẫn — 12. Giao-tiếp, B giao-thiếp — 13. Vừa, B đầu — 14. Sáng mai, B vầy ngày. Bước, B mới — 15. Đã, B vẫn — 16. Vài, C độ — 17. Lên, B sai — 19. Nghe lời, A đều mới — 20. Hầm-hầm (B), A ai ai — 22. Bồng, B thoát Pháo, C súng — 24. Chó dè (B), A dương tế — 30. Cửa đông (B). A Tỉnh-thai h. Cửa bắc, CD thành bắc — 31. Toàn câu, A ai ai cũng chi tung-hoành — 33. Nào, B không — 34. Vẫn rằng, B rõ-ràng, Thăng-trạng (B), A thăng-trận — 35. Phải, B rắp — 36. Cháy. B đốt — 37. Sợ chết thảy đều, B truy-sát giáp-giũ — 39. Cơm áo dóc dền, B sức khỏe gan liền — 40. Cầm vững cho bền, B gìn-giữ vững-bền — 41. Còn (B), A có — 42. Thánh-quân (B), A quân-thần — 49. Toàn câu, B thương ôi trong b. òi lưu-li — 50. Lòng, B tấm — 52. Đem. . lên. . , B rước. . ra. . . Trong (B), A cung — 53. Đau-đón, E thiết-tha — 56. Nay. . đốt. . . A năm suốt — 58. Hết, A quét — 60. Tựu-nghĩa, A tự lữ — 61. Còn ai, B ngoài ra. Võ-giáp (B), A võ-tướng — 64. Nhạc (B), A xem — 65. Khi bình làm hại, B thanh bình nhiễu-hại — 66. Túi tham mở rộng. B túi tham vỡ-vét. — 67. Đến khi, B tới cơn — 68. Ngợ ngáo, B ngợ-ngác — 73. Nghĩ coi thật đã, B nghĩ xem chừng cũng — 75. Những mô-hồ, B nói hồ đồ — 76. Dưới, B xuống — 77, 78. Kể. B người — 78. Chơi B sai. — 79. Tôi lại hòa mai, B ngày một ngày hai — 81. Tổ-tường, B biết tường — 82. Tham, B thấu — 83. Nên bắt gia-hình, B nên tội dào-chính — 84. Rồi ra, B sau mà. Nặng chữ (B), A nặng túi, C nặng gánh — 86. Năm mươi, E sáu mươi (có lẽ sai, vì các nơi khác có nói đến tuổi trẻ của quan Tuân) — 87. Nước nhà, B quốc-gia — 88. Kể, B chiếu — 91. Lại còn quanh quẩn, B hãy còn là. -quần — 92. Vật, B mũi — 95. Tiếc cái (D), A tiếc gái, B Thương-tiếc — 96, 97. Toàn hai vế, B hay là còn chút khư-hình (E khồn hình) từ-thần. Ngõn-ngang nghĩ nõ: xa gần — 98. Đã, B rắp — 106.

Bán lẻ (E chép *bán chiếc*, chắc chữ *lẻ* mà *lầm*), A *đề mất* — 107. Thế mà (B), AD *thế xưa* — 109. Rắp, B *lập* — 111. Khôn, A *gan* — 112. Nói quanh, B *tiến-chính* — 113. Lĩnh, B *nhận* — 117. Lân-la, B *thong-dong* — 118. Cũng đã tuổi ngoài, C *tuổi cũng trạc ngoài* — 119. Trong, E *xong* — 121. Nhị-hà (B), A *lưu, thông* — 123. Còn như ti-thuộc, C *kìa như lân-thuộc* — 125. Hết, C *khấp* — 126. Đã (C), B *lại* — 127. Rèm, C *dèn* — 128. Nhân chốn nhân-đình, C *những lúc dựa mình* — 129-132. Toàn bốn vế, C không có — 133-1 4 Toàn hai vế, C và E *Nghiêu-Thuấn quán, Nghiêu-Thấn dân, B t thiên thu, bát thiên xuân thái-hóa* — 136. Tỉnh say, B *chén say*, E *túy-tinh*, C *xem câu thiên định* — 137. Hà-thành, C E *ở đời* — 138. Càng nghe thấy chuyện (C, B *nghe câu chính-khi*. Càng rầu bên tai, mà rầu-rỉ tai — 139. Diễn ca, B *dẫn ca*, C E *diễn nôm* — 140. Đòi đời (C), B E *người người*.

III
ĐIỀU HOÀNG DIỆU

1. — Bài đầu

Âm đại-liết bất khả đoạt dã 1.
Hoàng Chế-đài 2 thật dạ kiên-trinh,
Phú-lang-sa bội-trước công thành,
Việc thủ thổ 3, biết minh phận-sự.
Ngoại ung-dung, nhi nội phòng-ngự 4, 5
Nghĩ châu-phê 5, lưỡng dụ-dự không đành.
Bốn bề, tiếng súng nổ ùng-đoanh,
Cơn thế bức, phải đem binh kháng-cự.
Trong bốn mặt, thần-oai mới thử,
Lũ quân đầu biết mấy thứ dư-thi 6. 10
Bởi Tây-môn quân tướng bất-ki 7,
Đề nên nổi thành trì ngọ sự.
Đừng anh-hùng thị tử như du 8,
Về Võ-miếu mới định cầu nhất-quyết 9.
Liệt-nhật nghiêm-sương chiêu khi-liết 10, 15
Nùng-sơn Nhi-thủy thụ cương-thường 11.

CỤ TÙNG-PHONG CÓ GIÚP CHỦ-THÍCH ĐOẠN NÀY

1. Đối-phó với việc quan-hệ đến tiết-tháo mình, thì không có gì đoạt được (*Luận-ngữ*) — 2. Tổng-đốc — 3. Giữ đất mình coi — 4. Mặt ngoài tỏ vẻ ung-dung, nhưng trong đề-phòng chống-cự — 5. Lệnh vua Tự-đức không cho đụng chạm đến quân Pháp — 6. Mấy lần chớ xác quân mà lui (*kinh Dịch*) — 7. Không theo lệnh trên — 8. Coi cái chết như chơi — 9. Quyết định chết — 10. Mặt trời nóng, sương lạnh nêu khi-liết — 11. Núi Nùng sông Nhi treo cương-thường.

Niệm tri-thân 12 đã phải nghĩa với quân-vương,
 Chữ trung-liệt lại làm gương thiên-cổ.
 Nào những kẻ thâu-sinh 13 ngắm đó.
 Mặt trán-trần có hổ với đời không? 20
 Gẫm xem non Thái lông hồng 14;

2. - Bài thứ hai

Thiên cổ lưu phương do kí tại 15,
Huy hoàng chính-khi động giang-sơn 16.
 Quê Quảng-nam, họ gọi là Hoàng,
 Ra Hà-nội làm quan tổng-đốc.
 Tửu nhất hồ, thi nhất trực 17, 5
 Quyền thanh-liêm mà giáo-mục muôn dân 18.
 Chẳng qua là tạo-hóa xây vắn.
 Nên xui khiến một lần sấm sét.
 Chí Bạch-qui bội hòa đã quyết,
 Đưa chiến-thư định giết một thành quân. 10
 Nên phải cho tận đạo vi thần,
 Đẳng thành-diện, trần binh bố trận 19,
 Đã một lúc cổ-thanh pháo chấn 20,
 Nào ai ngờ thế cận tương suy 21.
 Lòng kim-long 22 sớm đã tiên-tri, 15
 Mặc áo mạo bước vào Long-điện 23.

12. Liều mình chết (*Luận-ngữ*). — 13. Trộm sự sống, vì nghĩa đáng nên chết — 14. Có khi coi cái chết nặng như núi Thái-sơn, có khi coi nhẹ như lông chim hồng — 15. Còn để tiếng thơm lại nghìn đời là bởi có sử chép — 16. Chính-khi rạng-rỡ làm động cả núi sông — 17. Rượu một bầu, thơ một cuốn — 18. Đem thanh liêm mà nuôi dạy dân — 19. Lên mặt thành để dẫn trận — 20. Trống gióng, súng ran — 21. Thế trận gần nguy — 22 Kim-long là trở Hoàng Diệu, không rõ vì sao dùng chữ ấy — 23. Hành-cung Hà-nội.

Tạ quân-vương dập đầu xuất huyết 24,
 Tắm trung-can 25 đã quyết với non sông.
 Đường vinh-hoa xếp đê bên lòng,
 Sang Võ-miếu trút ra vòng tạo-hóa. 20
 Con trụ nghĩa :6 gan vàng dạ đá,
 Lòng trung-trinh soi khắp cả nghìn phương.
 Ấy cũng là một mối cương-thường 7,
 Cho những kẻ văn-chương theo cốt-cách.

Thơ rằng :

Mãn triều đo thị thanh hồng khách 38, 25
 Báo quốc vong thân độc nhất quân 29.
 Gẫm xưa nay chưa dễ mấy lần,
 Đã được mấy trung-thần như thế ấy.
 Nên cần bái 30 trời xanh soi thấy 31,
 Vận lâm nguy thì cứu lấy trung-thần. 30
 Làm nêu cho khách sự quân 32.

3 — Bài thứ ba

Ngô nhân khoa-hoạn phùng thời dĩ 33,
 Thần tử thung-dung tự nghĩ nan 34.
 Quan Hà-Ninh tổng-đốc họ Hoàng,
 Con thẳng-thốt 35 vũng-vàng gan sắt đá.

24 Lạy tạ vua đến dập đầu chảy máu — 25. Gan dạ người trung — 26. Tự tử để làm trọn nghĩa — 27. Bồn-phận đối với vua, với nước — 28 Đứng đầy triều-định toàn là những ông quan to — 29. Đền ơn nước mà quên mình thì chỉ có một ông ! — 30. Khấn vái kính cần — 31. Chữ *thấy*, thì nguyên bản chép *Xét*, nhưng thế là mất văn. Đoán kẻ sao đã sơ ý nhớ lầm — 32. Thờ vua — 33. Chúng ta gặp thời đồ-đạt và làm quan thì dễ — 34. Bầy-tôi ung-dung tự-tử để làm trọn nghĩa thì khó — 35. Lúc có biến-cổ vội-vàng.

Giận Bạch-quí 36 không tuân vương-hóa 37, 5
 Mang chiến-thư 38 ra dạ bội hòa 39.
 Giữ cô-thành 40 một trận xông-pha,
 Có Nùng-lĩnh, Nhị-hà soi chính-khi.
Thành-thượng hồng-kỳ huy chiến sĩ 41,
Quán-trung hỏa-pháo xạ Dương-di 42. 10
 Trong thành, quân Tứ-chính, Tứ-ki 43,
 Mà tượng mạnh như hùng, như hồ.
 Tiếng pháo động trong thành, ngoài phố,
 Trận giao-phong Tây-lộ hàn tâm 44.
 Vị tả-binh 45 phản-dụng mưu thâm, 15
 Làm nội-biến, đem lửa châm kho thuốc.
 Quan Hoàng-tướng trong thành biết trước,
 Có một mình vì nước, vì dân.
 Cờ tranh-phong 46 còn cắm trong quân,
 Thương thay nhẽ thần-long 47 thất thế! 20

36. Tiếng nhấc người Âu-châu thời bấy-giờ, nghĩa là quỉ da trắng — 37. Sự giáo-hóa của nhà vua — 38. Thư khiêu chiến của Pháp — 39. Phản lại hòa-trớc — 40. Giữ cái thành trơ-trọi không viễn-binh — 41. Trên thành phát cờ đỏ xua tướng sĩ tiến — 42. Trong quân bắn súng vào mọi Tây-dương — 43. Tám cơ binh đóng giữ Hà-nội — 44. Trận đánh nhau làm giặc Tây sợ lạnh tâm — 45. Quân người theo đạo công-giáo, mà các vua trước gọi là tả-đạo, nghĩa là đạo lầm. Đây tác giả đổ lỗi cho linh có đạo công-giáo đã thông với Pháp để làm nội ứng, đốt kho thuốc súng. Người Pháp thì nói đạn đại-bác bắn đúng vào kho thuốc. Theo cụ Nguyễn Đình-Trọng, thì kho cháy, nhưng thuốc súng đã được dời từ trước, vì Hoàng Diệu đã đoán trước rằng Pháp tìm cách đốt kho. Sự thật thế nào không rõ. Nhưng ta chớ quên rằng bài này viết đang lúc triều-đình và sĩ-phu còn đang nghi-ky người công-giáo, vì có một hạng người công giáo đời ấy để Pháp lợi-dụng. Cho nên ta không thể hoàn-toàn tin vào dư-luận đương-thời — 46. Cờ hiệu vẫy quân tiến đánh — 47. Trỏ Hoàng Diệu.

Nhân sinh tự cổ thùi vô tử 48,
Tử u quốc-sự, tử cương-thường 49.
 Lòng xem khinh tên đạn một trường,
 Lấy danh-tiết lưu phượng 50 làm trọng.
 Khi biện tử 51, tới Hành-cung bái vọng, 25
 Lay vua rồi ra Vũ-miếu dỡ kinh luân 52.
 Làm gương cho khách quan-thân 53.

NHỮNG ĐI-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN

Bài thứ ba trên đây là tôi phiên âm bản nôm cũ mà tôi đã gọi là bản B. Nay còn bản A, do Trương Vĩnh-Ký chép lại, nhưng bản này bỏ mất đoạn từ vế 9 đến vế 20, cộng 12 vế. Không hiểu vì lẽ gì. Có lẽ vì hai vế 15-16 nói lính công-giáo phản và đốt kho thuốc súng chẳng? Nhưng, những bản khác còn lại như bài ông Nguyễn Tường-Phượng đăng ở báo Tri-tân số 183, cũng bỏ mất đoạn ấy. Vậy có lẽ tác-giả hay người khác đã bỏ từ lúc đầu. Ngoài sự bỏ 12 vế, hai bản kia (A và bản Tri-Tân mà tôi gọi tắt là F còn chép khác một vài chữ như sau :

Trong câu : 4. *Vững-vàng*, A *bền* — 6. *Mang*, AF *đem* — 22. *Lấy danh-tiết lưu phượng*, F *tử danh-tiết lấy lưu-phượng* — 26. *Dỡ*, F *xếp* — 27. *Quan thân*, F *biên-thân*.

4. — VÔ TRỌNG-BÌNH ĐIỀU

Trọng-Bình bấy giờ làm *tổng-đốc Định-An* (Nam-Định Hưng-yên). Đầu năm sau (1883), Pháp đánh lấy Nam định. Trái với lời thề trong thơ, ông không liều chết. Bị cách, đời Hàm-nghi Hồng-khánh ông lại được *phục-chức thượng-thư*.

Hán văn (*Trích ở sách Tạp-ký*)

Bình-sinh trung nghĩa đối thanh-thiên,
 Nhất đán phi-thường thể sử-nhiên.

48. Từ xưa, người sinh ra ai là không chết — 49. Chết vì việc nước là chết hợp với cương-thường — 50. Đề tiếng thom — 51. Định chết — 52. Tổ tiết-tháo khi gặp việc khó-khăn — 53. Thân-sĩ và quan-liêu.

Chính-khi cao tiêu Nùng-lĩnh thượng,
 Cô-hồn tiềm dẫn Thánh-nhan tiền.
 Quân năng bắt phạt Tây-dương pháo,
 Ngã diệc khởi dụng Phú-lãng thuyền.
 Thệ bắt cầu sinh quân dữ ngã,
 Anh-hùng thành bại nhất tâm kiên.

Dịch

*Bình-sinh trung nghĩa đối thương thương (trời xanh).
 Bổng-chốc xui nên thế dị thường.
 Nùng-lĩnh chon-von gương chính-khi,
 Cô-hồn phảng-phất mặt quân vương.
 Ông không chút sợ súng Phú lãng,
 Tôi há đâu dụng tàu Tây dương.
 Tôi với ông thề không sống nhục,
 Anh-hùng thành bại chỉ đều cương.*

5. - SĨ-TỬ HÀ-THÀNH ĐIỀU

Hán-văn (Trích ở sách Tạp-ký)

Cô-thành độc-thủ chích thân đan,
 Khảng-khái như công thế sở nan.
 Cựu-lục thiên thu truyền liệt-tiết,
 Cô-thần nhất tử kiến trung-can.
 Thâu sinh thử nhật tâm do qui,
 Nghịch-tặc đương niên cốt dĩ hàn.
 Thiên tử Nùng-son tiêu chính-khi,
 Anh-hùng đảo xứ lệ tượng can.

Dịch

*Cô-thành chống giữ một mình thôi,
 Khảng khái như ông được mấy người.
 Cựu-lục nghìn năm gương tiết dội,
 Cô-thần một chết tấm trung phơi.*

*Thâu sinh ngày nọ tâm còn then,
Nghịch-tặc năm nay sợ rụng-rời.
Nghìn thuở Nùng sơn nêu chính khí,
Anh hùng đến thế, lệ cùng rơi.*

6. — NGŨ đại-nhân... ĐIẾU

*Ở phường Kim-cổ. Có lẽ là người đã chủ-trương việc mua quan-tài
và đem Hoàng Diếu ra tạm táng ở Lạc-dương (Xem, tr. 21)*

a) Hán văn (Trích ở sách *Giai-văn tập-ký*)

Sử nhân giai Tiên-sinh,
Hà-thành hà chí bỉ.
Duy nhân bất Tiên-sinh,
Hà-thành cố nãi nhĩ.
Công sinh hữu tử-tâm,
Công tử hữu sinh-khí.
Thị-phi công-luận gian,
Yên túc vi công lụy.

Dịch

*Nếu ai cũng như ông,
Hà-thành đâu đến thế.
Vì ai cũng khác ông,
Hà-thành nên thế ấy.
Ông sinh sẵn tử-tâm,
Ông chết còn sinh-khí.
Thị phi người ta bàn,
Sao đủ làm ông lụy.*

b) Hán-văn (Trích ở sách *Giai văn tập-ký*),

Sinh ư khoa-hoạn tử cương-thường,
Sinh bất hư-sinh, tử bất phượng.
Bất hữu Tây-dương dương nhật sự,
Thùy tri Hà-Ninh tổng-đốc Hoàng.

Dịch

*Sinh thì khoa-hoạn, chết cương-thường,
Sinh chẳng hư-sinh, chết vẻ-vang.
Vi việc Tây-dương này chẳng có,
Ai biết Hà-Ninh tổng-đốc Hoàng.*

7. — TRẦN ĐÌNH-TÚC ĐIỀU

*Làm tổng-đốc Hà-ninh sau khi Nguyễn Tri-Phương
mất, và làm Khâm-sai sau khi Hoàng Diệu mất.*

Hán văn

Chế-khôn thập dư niên, sự đồng thể dị.
Cò-thành thiên lý ngoại, can khổ tâm cam.

Dịch

*Tôi coi trọng trấn trước mười năm, sự đồng thể khác ;
Ông giữ cò-thành ngoài ngàn dặm, gan đắng lòng cam.*

8. — HOÀNG HỮU-XỨNG ĐIỀU

*Làm tuần-phủ Hà-nội. Sau khi thà nh mất, cò nhện
đổi ba hôm.*

Hán văn

Trình tai tiết độc khổ! Như Công diệc viết tận tâm
yên; thị phi hữu Triều-đình thật loạn.
Qui hĩ chí bất quả! U ngã phương tri năng tử dã
(giả); cò kim ỳi thiên-hạ tối nan.

Dịch

*Kiên-trình thay! Một mình giữ trọn tiết, đến Ông cũng
đã hết lòng; phải trái có triều-đình cân-nhắc.
Hỗ-thẹn vậy! liềm thân không toại-chí. Như tôi mới
hay nên chết; xưa nay việc thiên-hạ khó-khăn.*

IV

HÀ - THÀNH THẤT - THỦ - ÁN

1. — TỔNG VỊNH

Trái phá Tây chằm chực bắn vào,
Chỉ không cho đánh biết làm sao.
Ngọn cờ tướng-lệnh oai-linh gượng,
Chén rượu Đông-môn khảng-khái phào 2.
Uất-khì Nùng-sơn cây muốn cựa 3,
Thương-tâm Nhị thủy sóng tranh xao 4:
Dạng hoa Võ-miếu rơi thơm mãi,
Sống trộm ghê trông thẹn biết bao.

2. — HOÀNG DIỆU

Khảng-khái ai hơn Đốc-bộ Hoàng,
Khăng-khăng da sắt với gan vàng.
Bóng chiều khó lẽ đem về ngọ 5,
Đáy (nợ ?) nước xin đền một nắm xương.
Võ-miếu cây treo dây liết-nghĩa,
Nùng-sơn đá tạc chữ cương-thường.
Thành năm Quý dậu 6 nào ai trách 7,
Chính khi nào ai thẹn tuyết-sương.

Các bài này lấy ở bản A (nguyên bản). Riêng bài đầu báo Tri-Tân số 183 có dưng.

1. Lời ban ý vua — 2. Không thực — 3. Động. Nguyên-bản chép cựa, chắc đọc lầm chữ nôm — 4. Tri-tân 183 chép : đào — 5. Trưa — 6. 1873 — 7. Có trách-nhiệm giữ.

3. — QUAN TUẤN

Thành-hạ quan Tuấn 8 phải buổi se 9,
 Sân-rồng phục vị chỉ ngồi nghe 10.
 Quyên-sinh lại nghĩ thân còn vương,
 Nhứt-quyết nhiều khi mắt đỏ hoe 11.
 Ba bữa không cơm đành uống giặm,
 Mấy phen ép cháo cũng ăn dè 12.
 Giảng hòa nghe tiếng mừng mê-mẩn,
 Một đỉnh-đình-đình chuyện bé-mè!

4. — QUAN TUẤN

Thiên-oai mới thấy bộ ban ra.
 Con mắt bây giờ mới sáng lòà.
 Quyên khéo vượt đui xui cảnh-mộ 13,
 Ngài hay lên mặt rủ Tây hòa.
 Chiêu liền. . 14
 Xiềng sắt. .
 Càng bịch đều ra càng thấy ruột,
 Trương Tùng 15 lớp trước cũng phượng ta.

8. Hoàng Hữu-Xung trốn vào trong Hành-cung, phát óm mà mằm. Lúc tướng Pháp tới, có dụ ông, nhưng ông cáo bệnh và nhịn đói ba hôm. Sau khi Tôn-Thất Bá trở về, ông cùng Bá lại nhận thành mà Pháp trả. Ngày sau, hình như ông đã kể công mình đã « điều-định thắng lợi », vì thế mà sĩ phu bây giờ hay chê ông — 9. Mệt, tiếng nói kiêu-cách ở đằng trong — 10. Đây có lẽ muốn nói ông nấp trong Hành cung để nghe ngóng — 11. Âm-chỉ tính ông thích rượu, mắt thường đỏ — 12. Kiên — 13. Không rõ nghĩa. Có lẽ sao lầm, vì không đối với câu dưới — 14. Nguyên-bản bỏ dở hai câu này. Có lẽ lời chê quá đáng, cho nên không sao lại — 15. Đã phản họ Trương, dâng bản-đồ Ích-châu cho Lưu Bị.

5. - QUAN BỐ

Cửa-đông tiếng súng nổ ùng-đoành,
 Quan Bố 16 mau chân đã trụt thành
 Chỉ cái non gan mà bắt học,
 Chăm câu già chạy đề thâu sanh 17
 Xui lòng Hoài-đức lây thêm ghét,
 Góm mặt Sơn-tây muốn dứt tình.
 Quan lại có đầu mà tẻ thế!
 Ngàn thu một tiếng đề lưu danh.

6. - QUAN BỐ

Đường-đường đại-tĩnh mặt phiến-đài 18,
 Nhĩ-mục trông vào há phải chơi.
 Đứng chồn can-thành 19 nghe cũng cực,
 Tới trong đại-tiết nữ nào rời.
 Làm trai sinh-tử coi như bỡn,
 Đến cuộc phong-ba phải khác người.
 Gặp lúc chết thom mà sợ chết,
 Trụt thành sống để dựng bia cười.

7. - QUAN ÁN

Biết trước tin nên kéo làng ngoài,
 Hạ thành ba bữa vòng tìm Ngài.
 Một ngọn long-phi cờ đã cắm,
 Bốn bề lòi-phục đất còn khơi.
 Tri-kỉ, người Tây huy-biểu thật,
 Mưu thân, quan Án 20 rõ-ràng tài.

16. Phan Văn-Tuyền treo thành chạy lên Sơn Tây—17. Trộm sự sống — 18. Bỏ-chánh — 19. Giữ thành — 20. Tôn-Thất Bá, thích làm quen với người Pháp. Biết thế nào ' háp cũng đánh thành, Bá bèn xin ra thành để điều-định. Bá vừa ra khỏi thành, thì Pháp đã tấn-công. Y bèn chạy trốn vào làng Mộc. Du-luân cho là y mưu để trốn thoát thành, vì có tin báo trước. Sau Bá lại

Càng hay Tôn-thất, Tây càng dụng.
 Tổng-đốc phen này hẳn chẳng sai.

8. — QUAN AN

Tỉnh ta quan An được Tây thương,
 Báo trước đi ra đủ mọi đường.
 Nhận lấy tờ thư cho ngoại-tỉnh,
 Tìm nơi nằm núp ẩn nường 21.
 Thẳng về Nhân-mục thuê làm số,
 Hẹn với thông Phong lúc xuống Trường 22.
 Kể nỗi mưu thâm đà thật khéo,
 Phải liều khi-trá 23 với quân-vương.

9. — QUAN ĐỀ

Nhắc cân Thái-lĩnh 24 với hồng-mao,
 Hứa quốc 25 quan Đề kháng khái sao!
 Thất cổ-tay còn bung lấy chạc 26,
 Trăm mình đầu lại gối lên cao
 Rờ lưng tìm thuốc rời đầu quách,
 Tuốt vỏ gươm ra cắt chẳng vào.
 Tứ bát-tử 27 rời ngõ-ngần mãi,
 Quay theo quan An trở đường nào? 28

thông tin với thông Phong đề ra hàng, cho nên được mời về nhận thành, Bá điều-dinh với H. Rivière, và ký một tờ tạm-ước nhận thành. Trong thư của Rivière còn kể rõ chuyện. Bá nhận quyền chức Tổng đốc Hà-Ninh đề lo việc an-dân. Bá xin với Rivière lấy trộm của công ra 10.000 quan để cho mình. Sau việc bại lộ, nhưng nhờ Rivière che chở nên không ai biết (xem đoạn cuối sách) — 21 Nguyên-bản bỏ trống một chữ, có lẽ vì tiếng thổ. Còn tiếng sau lại chép bả, nhưng thế là sai vẫn, có lẽ là nường — 22. Trường tây ở Đồn-thủy — 23. Nói dối — 24. Núi Thái-Son — 25. Hứa thân cho nước — 26. Dây lớn — 27. Bốn cách tự-tử không chết — 28. Bài này hay được truyền tụng, nhưng khác một vài chỗ, như: *Thất cổ chân còn vương đến đất.*

PHỤ LỤC

1. — DI-BIỂU CỦA HOÀNG DIỆU

« Trần-tình biểu »

Tôi, học-vấn thô-sơ, ủy-dụng rất lớn. Được giao-giữ một phương đất nước, gặp phải khi bờ-cõi chưa yên. Một kiếp thu-sinh, chưa từng quen lo biên-sự; mười năm thương-ước, thế nào tin được địch-tâm.

Tôi từ khi chịu mệnh đến nay, đã được ba năm. Huấn-luyện giáp-binh, sửa-sang thành trại. Ấy chẳng những lo-toan củng-cố bờ-cõi, mà cũng là phòng-bị lòng chúng sài-lang.

Nào ngờ : tổ chim vừa rào, lòng thú gây biến. Tháng hai năm nay, bốn hỏa-thuyền Phú (Pháp) về tu-tập, các đồn binh chúng thêm nhiều quân. Quân kia xa lại, lòng dân nôn-nao.

Tôi trộm nghĩ rằng Hà-thành là đất cuống họng của Bắc-kỳ, lại là khu yếu-hại của bản-quốc. Nếu một ngày tan-tành như đất lở, thì các tỉnh lần-lượt mất như ngói bong. Tôi lấy làm lo. Khẩn-tư các hạt, tâu lên Triều-đình. Xin cho thêm binh, may sớm kịp việc.

Thế mà chiếu-thư mấy lần ban xuống: Quở tôi việc đem quân dọa-dẫm, bắt tôi tội chế-ngữ thất-thời. Kính đọc lời dạy, thấy rất nghiêm-khắc. Quan dân thất-vọng, tiến thoái lưỡng nan.

Rất hay rằng tự-quyết không tài, há giữ nghĩa đại-phu ra cõi; đành tự lấy dạy răn làm sợ, từng kính lòng

cổ-nhân thờ vua. Hằng ngày, với một hai đồng-liều bàn-nghị. Kẻ thì bảo nên mở cửa, cho nó mặc ra vào ; kẻ thì bàn hãy triệt binh, để nó thôi nghi-kị. Những việc như thế, thì dầu phải tan xương nát thịt, tôi không nỡ lòng làm.

Thu-xếp chưa quyết, nó đã bội hòa. Ngày mồng bảy tháng này, trước hạ chiến-thư, ngày sau đánh gấp (1). Quân giặc leo như đàn kiến, súng giặc nổ như sấm ran. Ngoài phổ cháy lan, trong thành khi mất. Mà tôi, gượng bệnh ra sức đánh, đi đầu trước quân binh. Bắn chết hơn trăm, liều giữ nửa buổi.

Nó đủ, ta kiệt ; viện tuyệt, thế cùng. Vũ-biên thì sợ giặc mà chạy hàng đàn, văn-thần thì ngóng chừng mà tan cả lũ.

Lòng tôi như cắt, một tay khôn cầm. Tương-lược không tài, tự nghĩ sống là vô-ích ; thành mất chẳng cứu, vi bằng chết cũng chưa đền. Đem thân định quyền sinh, không thể học Tào Mạt hay dọa địch ; treo cổ đền trách-nhiệm, chỉ mong theo Trương Tuân chết giữ thành.

Giám đầu trung-ngĩa gọi là, chỉ vì sự-thể bắt-buộc. Đất trung-thỏ trở nên địch-địa, sống then cùng phường nhân-sĩ Bắc-hà ; lòng cô-trung thề với Long-thành, chết mong theo Nguyễn Tri-Phương dưới đất.

Mấy hàng huyết-lệ, muôn dặm quân-môn. Nguyễn ánh-sáng nhật nguyệt soi tỏ tấm lòng son của tôi mà thôi.

Tự-đức năm thứ 35, ngày mồng tám tháng tư.

(1) Điều này sai. Xem mục chú-ý sau bài.

CHÚ - Ý

Bài biểu này nguyên bằng Hán-văn, viết theo lối tứ-lục, gồm từng hai câu đối một, trừ một vài câu ngắn ở đầu tiết hay cuối bài. Tôi gắng dịch theo văn lối ấy.

Tôi đã theo một bản chép cũ. Hiện nay tôi chưa có bản khác để so-sánh. Và sách Đại-Nam Thật-lục cũng không hề nói đến di-biểu ấy.

Mà sự so-sánh ấy rất cần. Vì nó có thể giải-quyết một câu-hỏi mà tôi nêu ra, là bài di-biểu này có thật của Hoàng Diệu viết ra, hay là của người khác viết thay cho ông sau khi ông đã mất.

Có sự nghi ngờ ấy, là bởi trong bản của tôi cũng như trong bản mà ông Khuê trai đã dùng trong bài Hoàng Diệu đăng báo Tri-tân số 182, đều chép lầm ngày Pháp hạ chiến-thư. Các bản ấy đều chép: “Bản nguyệt sơ thất nhật, tiên hạ chiến-thư, thứ nhật cấp kích”, nghĩa là ngày mồng BẢY tháng này, trước hạ chiến-thư, ngày sau đánh gáp. So với lời thông Phong đã kể rõ-ràng trên, so với sách Đại-nam Thật-lục và so với chính lời của Henri Rivière trình về Pháp (xem bài sau), thì chép thế là sai.

Hoặc-giả những bản biểu quả thật chép sai như vậy, thì chắc-chắn rằng không phải Hoàng Diệu viết ra, vì không lẽ gì mà ông vẫn tỉnh-táo viết được bài văn tứ-lục, mà quên việc mới xảy ra lúc buổi sáng ngày.

Hoặc-giả những bản biểu có thật, nhưng do một người nào đã sao lầm từ trước. Sự lầm ấy có thể xảy ra như sau. Nguyên văn hai câu “*Tiên hạ chiến-thư, thứ ... cấp-kích*” cân-đối nhau. Chữ *tiên* là trước hay đầu, chữ *thứ* là sau. Chữ *hạ* là một động-tự, thì chữ *thứ* hai trong vế dưới cũng là một động-tự, ví dụ như chữ *tiến* chẳng hạn. Những kẻ sao vô-ý, nên chép thành *thứ nhật*, nghĩa là ngày sau. Nhưng như thế là sai ngày đánh Hà-nội. Cho nên sau có kẻ lại phải chữa ngày hạ chiến-thư là ngày mồng bảy, để cho ngày mất thành trở nên đúng.

Đó chỉ là một giả-thuyết mà thôi. Phải có thêm tài-liệu, mới giải-quyết được diêm ngờ này.

2. — DỤ KẼ CÔNG TỘI

Sau đây là lời vua khen Hoàng Diệu và kết tội các viên khác.

Tự-đức năm thứ 35, ngày mồng 10 tháng 5

Nội-các-thần là Tôn-thất Sâm, Tạ Thúc-Dĩnh, Lê Đại vâng lời thượng dụ như sau :

Trung-ngĩa là tiết lớn của nhân-thần ; thưởng-phạt là quyền tó của nhà nước. Có công không thưởng, có tội không răn, thì dẫu đến các đấng Nghiêu Thuấn cũng không hóa được thiên-hạ.

Gần đây, Hà-thành có việc. Tổng-đốc Hoàng Diệu đã thề cố-thủ, có chết cũng không đổi chí. Các bầy-tôi cùng coi thành lễ ra phải đồng tâm nỗ lực, bám thành huyết-chiến, chết cũng không rời. Thế mới hợp với nghĩa tri-thân.

Thế mà, tất cả khiếp-nhuợc, không giữ trọn nghĩa. Trong khi thành mất, chỉ một mình Hoàng Diệu tận-trung tử-tiết mà thôi. Rất đáng khen.

Đến như bọn Lê Văn-Trinh, Phan Văn-Tuyền, Lê Trực, Hồ Như-Phong, Nguyễn Đình-Đường, đều là những viên cao-cấp trong một tỉnh. Thế mà sợ chết tham sống, bỏ thành trốn chạy.

Phan Văn-Tuyền lại trốn trước, chạy lên Sơn-tây. Sự làm ấy tỏ lòng hèn-nhát, hoảng hốt không kể xiết.

Hoàng Hữu - Xứng tuy ốm không ra khỏi thành, nhưng cam tâm chịu nhục, không biết sống chết với thành. Kẻ nhân-thần phải lấy thân báo nước ; sao mà lại như thế ?

Tôn-thất Bá, tuy ra trước đề thương-thuyết, nhưng trong khi gây sự, không trở lại giữ thành. Mà sau, lại không hay kết-hợp binh-dân, để liệu sự một cách chính-đáng. Trái lại, cùng chúng điều-định đại-dãng để thoát một cách láu-lĩnh.

Những kẻ bầy tôi giữ cõi, khi gặp nạn, sao lại cầu-thả như thế. Như vậy thì trước đây, tranh biện với nước kia, làm sao bênh được quyền-lợi của nước.

Vậy phải kể rõ tội-danh để khuyến-lệ thần-tiết.

Bọn Hoàng Hữu-Xung, thì trước hết phải giải chức, giao cho các viên-chức mới, là tổng-đốc Trần Đình-Túc, tuần-phủ Nguyễn Hữu-Độ, bố-chánh Hoàng Hữu-Thường, thông-biên Vũ Nhữ, một mặt bắt giải về Kinh, một mặt cứu-minh rồi tâu về, để làm rõ hình-pháp.

Còn dư những bọn thuộc-viên, tỉnh-thành thủ-úy, phòng-thủ-úy, quản-cơ, suất-đội, thì đều có trách-nhiệm cầm quân ngũ-thủ. Đã không hay ra sức giết giặc, mà lại còn đem nhau chạy trốn. Không có một người nào tử-tiết cùng chủ-tướng. Thật rất đáng giận.

Lại các viên-chức hàng văn, như tri-phủ, tri-huyện, kinh-lich, thông-phán, hoặc có kẻ giữ đất, hoặc có kẻ giúp việc. Trong hạng này cũng có kẻ khá, có kẻ dở khác nhau. Trước sau chúng đã giúp việc Hoàng Diệu ra sao, thì phải cứu-minh các sự-trạng cho rõ sự thật. Hãy lập-tức tâu về, sẽ có chỉ ban riêng khen hay quở.

Lại sao các hồ-sơ, giao cho kinh-lược-sứ Nguyễn Chính duyệt rõ. Nếu có điều dối hay sót, thì giao cho kinh-lược-sứ xét lại, rồi tâu lên, để cho công-bình.

Kinh đây!

CHÚ - Ý

Bài dụ này là dịch theo một bản chép cũ.

Trong sách *Đại-Nam-thực-lục*, cũng có chép lại một phần lớn lời này (kỷ 14, quyển 67, trang 36 b), Sách ấy lại chú-thích rằng tháng 11 năm Tự-đức thứ 36 (1883), đình-nghị đem Hoàng Diệu thờ ở đền Trung-nghĩa; bọn Hữu-Xứng thì phải cách, nhưng cho lập công chuộc tội (sau đó lại lượng-thứ và cho khai-phục), trừ Phan Đình-Tuyên, thì phải cách về làng làm dân. Hai con Hoàng Diệu ra đem quan-tài cụ về táng ở làng. Vua Tự-đức ban cho một nghìn quan tiền để cấp cho mẹ ông

3. — TỐI-HẬU-THƯ

Henri Rivière gửi cho Hoàng Diệu.

Bức thư này giữ ở “tài-liệu Tham-mưu-cục”, và đã in trong cuốn Hoàng-thư thuộc loại việc Bắc-kỳ. Lời-lẽ bức-thư này thế nào, độc-giả đọc lên sẽ tự cảm thấy.

Hà-nội ngày 25 tháng 4 năm 1882.

Quan tư Rivière gửi cho quan tổng-đốc Hà-nội.

Liên sau khi tới đây, (1), tôi đã nhờ người (2) nói, và tôi đã viết thư cho Ngài, kể rõ ý-định sở-dĩ nước Pháp phái quân đến Hà-nội. Nước Pháp muốn có thể khá hơn để che-chở kiều-dân Pháp và những người Pháp qua lại, khỏi bị quân Cờ-đen đe-dọa. Những hành-động ấy chỉ có tính-cách thân-thiện và hợp với điều-trước giao-kết với chính-phủ Đại-nam.

Ngài đã trả lời cho tôi một cách thế nào? Bằng cách ngò-vực và kinh-địch. Hôm sau ngày chúng tôi tới, Ngài sai đóng cửa thành khi sĩ-quan chúng tôi muốn vào thành; thế mà ngày hôm trước họ còn tự-do đi qua thành. Trong cuộc tôi tới thăm Ngài (3), tôi đã nhã-nhận phản-đối những quyết-định ấy. Thế mà Ngài cũng không đổi Ngài lại không đáp lễ thăm tôi. Ngài liền bắt đầu xây những tao-tác phòng-thủ, mà càng ngày, Ngài càng tăng ráo-riết, và không giấu-giếm, để rõ-ràng cho chúng tôi thấy.

(1) Rivière từ Sài-gòn ra Hà-nội, chiều 2 tháng 4 năm 1882 thì tới — (2) Ngày hôm sau, mồng 3, tuần-phủ Hoàng Hữu-Xưng tới hỏi ý-định của sự thêm binh. Rivière nhờ ông trả lời Hoàng Diệu — (3) Ngày mồng 4, Rivière tới thăm Hoàng Diệu.

Khi quan Bố, rồi quan Ân tới thăm tôi, chỉ cách nhau vài ngày, tôi đã hai lần nhờ về nói với Ngài rằng tôi không thích nhìn thấy những tạo-tác ấy trên thành. Đó là tôi đã cảnh-cáo một cách hòa-nhã. Ngài đã không đếm-xỉa tới lời cảnh cáo ấy, và lại càng tiếp-tục những tạo-tác một cách rộn-riệp hơn trước.

Thưa quan Tổng-đốc, sự-tình này không thể kéo dài được nữa. Thành có thể trở nên nguy-hiểm cho quân-lính chúng tôi. Chúng tôi phải trừ-khử vật nguy-hiểm ấy.

Bây giờ, hãy nghe những lời tôi sẽ nói với Ngài. Những đề-nghị mà tôi sẽ đưa cho Ngài là một cách dàn-hòa, để cho sự bất-bình giữa hai chính-phủ không trở nên nghiêm-trọng. Tôi đề-nghị với Ngài hãy nộp thành cho tôi, với những điều-kiện mà tôi sắp kể sau. Hôm nay, và lập-tức sau khi nhận bức thư này, Ngài hãy ra lệnh cho binh-sĩ bỏ thành, sau khi để lại những súng-ống; mở các cửa ra, và để đảm-bảo rằng mệnh-lệnh ấy sẽ được thi-hành, Ngài hãy, lúc đúng 8 giờ sáng, thân hành nộp mình cho tôi, cùng các quan tuần-phủ, quan bố, quan án, quan đề-đốc, chánh-lĩnh-binh, phó-lĩnh-binh.

Kỳ-hạn ấy là ngặt. Nhưng từ khá lâu nay, Ngài đã tiên-đoán những kết-quả của tình-hình ở đây, chớ nên chắc Ngài không lấy đó làm lạ. Vậy, tôi sẽ đợi Ngài ở nhà tôi, lúc 8 giờ sáng. Quân của tôi, sẽ theo lời thừa-nhận của Ngài, chiếm lấy thành, mà không bị sự gì chống lại. Tôi sẽ tự chọn những cách thuận-tiện để làm cho thành từ rày không có thể làm hại đến binh-lính chúng tôi. Công việc ấy sẽ mất chừng ba ngày. Nhưng khi xong rồi, tôi hứa sẽ trả lại cho Ngài, thành với kho-tàng, công-thực, nhà ở, và một phần bờ thành. Sự cai-trị

trong tỉnh sẽ không thay đổi, mà tỉnh vẫn thuộc Hoàng-đế Đại-Nam. Chỉ có thành, thì tuy rằng vẫn là của Ngài, nhưng sẽ thôi không là một vật khiêu-khích chúng tôi nữa.

Nếu Ngài nhận những điều-kiện ấy, thì sự hòa-hảo sẽ trở lại giữa chúng ta. Và sự Ngài tới Lãnh-sự-quán, đúng lúc 8 giờ, sẽ chứng-tỏ rằng Ngài muốn hòa-bình và hòa-thuận. Nhưng nếu đúng 8 giờ, Ngài không thân-hành đến Lãnh-sự-quán với tất cả những viên quan đã kể trên, để nói cho tôi biết rằng Ngài đã nhận những điều-kiện của tôi, thì quân tôi sẽ lập-tức tấn-công thành.

4. — TỜ TRÌNH CỦA H. RIVIÈRE VỀ VIỆC ĐÁNH HÀ-NỘI

Trong tờ di-biên trên, ta đã thấy kể qua-loa về việc này, theo mắt một người ta. Về phương-diện 1-háp, có tờ trình của H. Rivière gửi về cho bộ Thủy-quân, nói rất rõ về duyên-cớ, sự định-tâm, sự sửa-soạn và sự tấn-công của quân Pháp. Sau đây tôi dịch từng đoạn, và tóm-tắt những đoạn kia.

Hà-nội ngày 27 tháng 4 năm 1882.

Trình Đô-đốc Jauréguiberry, bộ-trưởng bộ
Thủy-quân và Thuộc-địa

«Liền sau khi tới Hà-hội, tôi nhận thấy các quan trong thành đã sửa-soạn những tạo-tác phòng-ngữ, một ngày một nghiêm. Tôi cũng sửa-soạn để hành-động».

H. Rivière liền cho chở binh-sĩ, khí-giới, đạn-dược từ Hải-phòng lên. Bấy giờ ở Hải-phòng có bảy tàu thủy.

«Tôi vừa sửa-soạn, vừa kháng-nghị với quan Tổng-đốc về việc phòng-thủ thành, nhưng một cách hòa-nhã. Tôi cũng không cố-nài lắm, vì nếu tôi cố nài, thì tôi bắt-buộc phải hành-động; mà tôi lại muốn tu-tập đủ mọi phương-tiện trước khi hành động».

Ngày 24 tháng tư, quân đến nơi. Có 450 quân thủy-xạ, 20 thủy-pháo-binh, 3 đại-bác 40 ly, 20 lính bản-xứ, 130 thủy-binh, 1 đại-bác 120 ly, 1 đại-bác 40 ly để sẵn ở Đồn-thủy, và 4 đại-bác 40 ly mới đem thêm sau nữa.

«Rồi thì tôi gửi tối-hậu-thư cho viên Tổng-đốc. Tôi gửi lúc 5 giờ sáng, và chỉ cho y ba giờ để trả lời. Kỳ-hạn ấy ngặt, như tôi cũng nói trong tối-hậu-thư, nhưng y đã sửa-soạn chống ta trong khá lâu, cho nên y không thể

lấy làm ngạc-nhiên. Vào khoảng bảy rưỡi, y sai người xin thêm hạn một ngày. Ý tôi là không cho. Và tôi cũng không cần trả-lời, vì kẻ mang thư tới, liền bỏ đi mất.

«Lúc 8 giờ, là giờ cuối mà tôi đã hẹn cho viên Tổng-đốc, y không tới. Vậy chỉ có cách hành-động.»

Kế-hoạch định trước và được thi-hành là như sau. Từ 8 giờ 15 đến 10 giờ 15, đại-bác các chiến-thuyền bắn. Cho đến 9 giờ 15, thì cốt bắn vào cửa Bắc và khoảng thành từ cửa Bắc đến pháo-đài góc Tây-bắc. Trong lúc ấy, thì một toán quân nhỏ tiến gần cửa Đông và bắn trái phá vào đó để lừa bên địch. Còn đại-quân thì đi theo bờ sông, từ Đồn-thủy đến trước cửa Bắc, nấp sau cây và nhà lá. Sau 9 giờ 15, quân lại áp thành phía góc Tây-bắc. Đại-bác bắn xa vào trong thành, nhằm các dinh trại, kho-tàng.

Bấy giờ, một phát bắn vào kho thuốc, kho ấy nổ. Đại-bác ngừng bắn lúc 10 giờ 15. Còn lính thì bắc thang tre dài 6 mét, trèo lên thành phía góc Tây-bắc. Lúc lên trên đỉnh thành thì tiến đến cửa Bắc. Trong lúc ấy, chủ-lực-quân tiến sát cửa Bắc để phá cửa. Quân giữ cửa bỏ chạy. Thành bèn mất.

«Ta có bốn người bị thương, thiếu-tá De Villers bị thương ở đầu gối từ lúc đầu. Bên An-nam, ta đếm được 40 xác chết và 20 bị thương. Số bị-thương phải nhiều hơn thế lắm. Nhưng đũa nào chạy được thì đã chạy cả rồi».

Ngày 30 tháng 4 năm 1882

«Buổi sáng ngày 26 tháng 4, chúng tôi được tin viên Tổng-đốc đã tự-ải. Viên ấy là một người diêm-đạm và cương-quyết (1). Ông tự-tử như vậy là lợi cho ta. Tỉnh

(1) Henri Rivière vẫn trọng Hoàng Diệu, nhất là sau khi Hoàng Diệu tự-tử. Trong một bức thư khác, Rivière nói: «Quan Tổng-đốc là người quân-tử. Sự ông tự-tử đã chứng cho điều ấy».

cần-đảm và ảnh-hưởng của ông có thể gây khó-khăn cho ta, nhất là sau khi ông sẽ liên-lạc với “ Hoàng-thân Hoàng ” (tức là Hoàng Kế-Viem) còn đóng ở Sơn-tây. » (1)

Lấy xong thành; H. Rivière cho tịch-thu sở Thương-chánh, và kho-tàng trong thành. Lại sai ném súng đại-bác trên thành xuống hào, phá các cửa thành, và phá một vài khoảng thành. Quân Pháp đóng tại điện Kinh-thiên, và đổi điện thành một pháo-đài kiên-cố. Sau này các quan ta điều-định mãi mà cũng không khi nào Pháp chịu trả nữa.

(1) Các tài-liệu về H. Rivière đều lấy ở sách Henri Rivière *Correspondance politique au Tonkin 1882-1883* in năm 1933.

5. — HOÀNG HỮU-XỨNG VÀ TÔN-THẮT BÁ

Trong các chuyện đáng buồn xảy ra trong vụ Hà-nội mất lần thứ hai, buồn nhất là chuyện Tôn-thất Bá.

Bá được H. Rivière mời về, điều-định trả thành cho. Vì Bá không phải quan đầu tỉnh, nên Pháp ép quan tuần Hoàng Hữu-Xứng dự cuộc thương-thuyết. Hữu-Xứng ngượng-ngùng nghe theo. Còn kẻ chủ-mưu là Bá. Về đoạn này, trong sách *Đại-nam thật-lục* (quyển 97, kỷ thứ 4) còn chép rõ. Lời chép như sau

« Bấy giờ nước Phú (Pháp) phái binh-thuyền thêm đến bến Co-xá, và hằng ngày khiêu-khích Hằng ngày, Phú sai binh mang khi-giới qua lại ngoài thành, thanh-ngòn sẽ vào thành đóng. Diệu phòng-bị nghiêm-ngặt. Phái-viên Phú đòi phải triệt-phá những việc phòng-ngữ ấy. Diệu không chịu. Rạng ngày mồng 8, người Phú sai đem chiến-thư tới. Diệu ủy cho án-sát Tôn-thất Bá ra thành thương-thuyết. Bá vừa ra khỏi thành, thì binh Phú đã bắn bức thành. Diệu và tuần-phủ Hoàng Hữu-Xứng chia quân đốc-cự hồi-lầu. Quân ta và quân Phú đều có bị thương chết. Bông-chốc kho nổ cháy. Quân trở nên loạn. Quân Phú bắc thang treo lên thành Thành bèn mất. Cự nhau từ giờ Mão đến giờ Mùi.

« Diệu rẽ qua đám loạn-binh, một mình tới trước đền Quan-công. Đền ở trong thành lớn, nhưng ở ngoài thành ngăn. Diệu thắt cổ ở dưới một cây lớn. Đề-đốc Lê Văn-Trình, bố-chánh Phan Văn-Tuyền, lãnh-binh Lê Trực, phó-lãnh-binh Hồ Văn-Phong, Nguyễn Đình-Đường đều chạy, treo thành ra ngoài. Bấy giờ, Hữu-Xứng tìm hỏi Diệu, thì không biết Diệu ở đâu. Y bèn vào thềm bên

tả Hành-cung. Một lát sau, phái-viên Phú bắt giam. Phái-viên dô Hữu-Xúng một cách lễ-phép, nhưng Hữu-Xúng không chịu khuất, mắng lại. Nhưng y cũng không chịu giết. Y bèn sai đem về dinh Tuần-phủ mà giam đó.

« Xong rồi, phái-viên Phú đòi Bá về (Bá nguyên chạy vào làng Nhân-mục), để giao tỉnh-thành. Bá tới cùng Hữu-Xúng hết sức bàn-cãi để tạm nhận lấy. Trước đó Hữu-Xúng đã từng nhịn ăn đến ốm. Lúc ban đầu khi Bá mới tới, Hữu-Xúng không nhận lời. Bá khóc-lóc mấy lần mà bày-tỏ sự lợi hại. Và chẳng, Hữu-Xúng cũng nghĩ rằng nếu không quyền-nhận thì lại thêm sự khó-khăn khổ-sở. Vì vậy, cho nên gắng dậy mà theo Bá. Nhưng phạm việc bàn-nghị, thì do Bá làm hết. Hữu-Xúng lại sai người cầm giấy tư cho Hoàng Tá-Viên (tức Kế-Viên), Nguyễn Chánh, và các hạt lân-cận, rằng nếu có thể tiếp-viện cứu thành một cách đàng-hoàng được thì làm, chớ cho sự nhận thành ở đây làm ngại. Và Hữu-Xúng tâu về Triều xin chịu tội. Người Phú trả thành, nhưng vẫn đóng ở Hành-cung. »

Trên đây là chính-sử ta chép chuyện, nhưng kẻ chép lại là Hữu-Xúng, là người chủ-động trong việc này. Cho nên ta đã thấy ông đã tìm cách tự bào-chữa, và ám-chỉ Tôn-thất Bá là kẻ chủ-mưu giao-thiệp với Pháp, sau khi thành mất. Sự thật đúng như thế. Chính Rivière cũng chỉ biết một mình Bá. Mà tờ giao-kết trả thành, cũng chỉ có một mình Bá ký mà thôi. Bá lại còn nhận làm quyền-tổng-đốc Hà-Ninh, để làm « an-dân ». Những việc ấy trong các thư H.Rivière gửi cho Sài-gòn và tổng-lãnh-sư ở Huế còn nói rõ cả.

Nhưng có một việc khác Bá làm, mà chính H.Rivière ban đầu cũng muốn giấu, nhưng sau bị bại-lộ, buộc ông

phải nói ra. Đó là chuyện Bá xin lấy trộm của công một vạn quan tiền để thưởng công cho mình đã chịu nhận thành và chức Tổng-đốc. Câu chuyện như sau, tôi sẽ kể lại theo các thư của H. Rivière.

Ít lâu sau khi Hà-thành thất-thủ, một người đàn-bà từ Ninh-hải (tức Hải-phòng ngày nay) đi tàu vào cửa Thi-nại (Qui-nhơn). Y đem theo 1.200 quan tiền vào để đổi bạc trong ấy, vì bạc trong ấy rẻ. Quan trên thấy số tiền lớn bèn bắt giữ lại, thì y khai là vợ của tên thông-ngôn Phong làm với quan tư Rivière, và tiền là của Phong.

Bốn tháng sau, ti Thương-bạc ở Huế viết thư cho lãnh-sự Pháp là Rheinart nói về chuyện ấy. Rheinart lấy làm khó chịu. Ngày 6 tháng chạp, bèn viết thư cho H. Rivière ở Hà-nội, nói rằng có lẽ thông Phong lợi-dụng quyền-thế mà mua tiền được rẻ ở Hà-nội.

Sau đây là quãng đầu bức thư mà Rivière viết ngày 2 tháng giêng năm 1883, trả lời cho Rheinart.

« Tôi đồng ý với ông rằng những lời bóng-gió của quan Thương-bạc, không thể động-chạm đến các sĩ-quan ta. Tôi gửi kèm theo đây cho ông những giấy-má, để ông hiểu rõ thật-trang việc này. Tôi tin rằng ông giữ kín-đáo, không để các giấy-má ấy làm lụy đến quan Án. Điều lợi cho ta là đừng làm lộ những việc mà các quan đã làm, hay có thể làm ích cho ta. Ta không nên để ý quá đến dây liên-lạc mỏng-mạnh nối quan Án và vua. Nhưng ta đã nhờ công của viên quan này, mà sự cai-trị Hà-nội và hai tỉnh đã chốc-lát qua tay từ một viên-chức này sang viên-chức khác. Sự ấy đã làm cho ta tránh khỏi sự hỗn-độn và rối-loạn. Nếu không thì rất có thể có một cuộc quấy rối bởi các thân-sĩ như năm 1873.

« Muốn đòi giả những công-trạng ấy (tuy y không nói ra), quan Án đã xin Kergaradec (viên lãnh-sự) và

tôi lấy một vạn quan trong thành, mà không phải biên-lại cho chúng tôi. Chúng tôi đã bằng lòng. Viên quan ba coi việc hằng ngày ở Hành-cung, là Guilloteau, đã được lệnh để y lấy, và đã chứng-kiến sự lấy ấy.

« Mấy ngày sau, quan Ân cho chúng tôi biết rằng, trong số tiền ấy, y đã giao cho một người đàn bà mang đi 1.200 quan để đưa vào Qui-nhon, nhưng lúc qua Hải-phòng, thì bị sở thương-chánh Hải-phòng giữ lại. Tôi đã viết lệnh gửi cho ông Rocca Serra, bảo rằng *bởi lý-do chính-trị* phải để số tiền ấy đi qua.

« Ông vừa cho tôi biết sự xảy ra ở Qui-nhon. Thông Phong vẫn có tiếng là trong-sạch lắm. Có lẽ ông Kergaradec chỉ dùng y để hỏi giấy xuất-dương của người đàn-bà kia mà thôi. Tôi không tin rằng người đàn bà kia là vợ y. Có lẽ những lời người đàn bà ấy khai, để chứng-rằng tiền là của mình, là những lời bịa ra mà thôi. Tôi đã không hỏi tên Phong được, vì nó đã rời khỏi Bắc-ki, và nay nó ở Sài-gòn.

« Tôi không nhớ rằng những quan An-nam ở Hà-nội từng hỏi chúng tôi về việc ấy. Chúng đã hỏi Kergaradec chẳng? (Nguyên trong lời quan Thương-bạc, có nói rằng số tiền ở kho đã mất, và đã hỏi ông lãnh-sự Pháp ở Hà-nội thì ông ấy bảo đã lấy một ít để trả phụ). Tôi nghĩ rằng, chỉ nên lặp lại lời mà chúng đã nói là của Kergaradec. Thế là lợi hơn cả. Như vậy thì chuyện quan Ân sẽ bị lấp bừa đi. Đó là chưa kể đến sự nếu quan Ân bị chết trong vụ này, thì ta cũng không có lợi gì mà khơi chuyện ấy ra như là chuyện của ta nữa... »

Đọc chuyện đến đây, ta thấy rằng những lời chửi-rủa của kẻ đương-thời đối với vị quan này không có gì quá đáng, mà lại còn nhẹ nữa.

IN TẠI NHÀ IN XUÂN-THU
89 PHỐ HÀNG ĐÃY, HÀ-NỘI
XONG NGÀY 31 - 5 - 1950

NHÀ XUẤT BẢN SÔNG NHỊ

Giám-đốc: BÀ NGUYỄN THỊ QUYÊN

Số 19B, Phố Hàng Bông Chợ Nhuộm — Hà-nội

ĐÃ RA :

ĐẠI-NAM QUỐC-SỬ DIỄN-CA 2 quyển (trọn bộ)
của LÊ NGÔ CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOÀI
Tựa và dẫn của HOÀNG XUÂN HÂN

LÝ-THƯỜNG-KIỆT 2 quyển (trọn bộ) (lich sử ngoại-
giao và tông-giáo trứ 1) của HOÀNG XUÂN-HÂN

VIỆT-LUẬN 3 tập (trọn bộ) của NGHIÊM-TOẢN
(Đã được phát hành sách giáo-khoa)
(Lũ b'n tập I in lại lần thứ hai)

THỰC-VẬT-HOC tập I
(Sách học cho Tiểu và Trung-học)
của NGUYỄN GIA-TƯỜNG

KINH-TẾ-HỌC PHỔ-THÔNG Quyển I
của VŨ-VĂN-HIỀN

HÀ THÀNH THẤT-THỦ VÀ HOÀNG-ĐIỀU
Dẫn và chú-thích của HOÀNG XUÂN-HÂN

SẼ RA :

THỰC-VẬT-HOC tập II (trọn bộ)
của NGUYỄN GIA-TƯỜNG

DANH-TỪ CHUYÊN-MÔN (chính-trị, ngoại-giao,
cai-trị, tư pháp, kinh-tế) của VŨ VĂN HIỀN
NGUYỄN HUY-MÃN và BÙI-TƯỜNG-CHIỀU

Đại-lý tại: HẢI-NGOẠI: Nhà Lê-lợi 1ter Rue de la Huchette
Paris (5^e).

NAM-MÈN: Nhà Nguyễn Bá - Chái 16 Borlé Saigon
Nhà Vĩnh-Bảo 46bis Lagrandière Saigon

Giá bán : Bắc Việt 10 đ — Các nơi 12 đ.